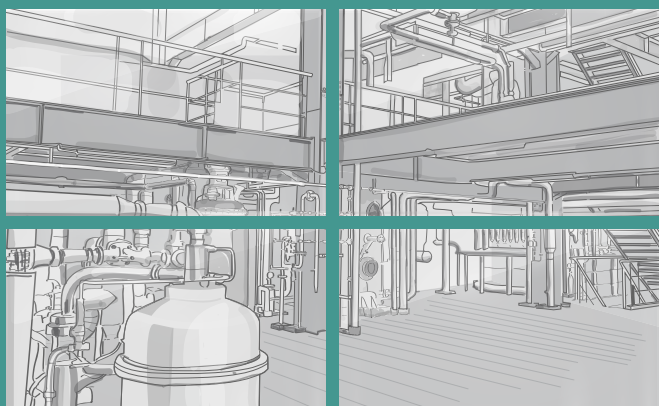


## PHÁT HUY THỂ MẠNH NỀN TẢNG

- ◆ NHÀ MÁY HIỆN ĐẠI
- ◆ CÔNG NGHỆ TIẾN TIẾN
- ◆ SẢN PHẨM VƯỢT TRỘI



# Nội dung

## GIỚI THIỆU

- 04 Tầm nhìn - Giá trị
- 06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 08 Thông điệp của Tổng Giám đốc điều hành
- 10 Hội đồng Quản trị và Ban điều hành
- 12 Ban Kiểm soát

## CHIẾN LƯỢC & VẬN HÀNH

- 14 Câu chuyện của chúng tôi
- 17 Tổng quan về Công ty
- 24 Các hoạt động
- 30 Phân khúc kinh doanh
- 32 Trách nhiệm xã hội
- 34 Hoạt động cộng đồng

## BÁO CÁO QUẢN TRỊ

- 36 Môi trường kinh doanh
- 40 Các điểm tài chính nổi bật
- 42 Hoạt động tài chính
- 44 Quản trị rủi ro
- 45 Các cuộc họp và Nghị quyết của HĐQT

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- 48 Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán
- 58 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



**TÂM NHÌN**



**GIÁ TRỊ**



**VOCARIMEX LÀ TỔNG CÔNG TY CUNG ỨNG NGUYÊN LIỆU DẦU THỰC VẬT CHUYÊN DỤNG CHO CÁC CÔNG TY SẢN XUẤT CHẾ BIẾN CÓ SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU DẦU NHƯ NGÀNH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM, DƯỢC, SỮA, BÁNH KẸO, THỦY SẢN... HÀNG ĐẦU VIỆT NAM. TẤT CẢ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CHÚNG TÔI ĐỀU HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU MANG ĐẾN KHÁCH HÀNG NHỮNG SẢN PHẨM TỐT NHẤT VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ DỊCH VỤ. TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC, VOCARIMEX ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KÊNH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI, PHÁT TRIỂN CÁC DÒNG NGUYÊN LIỆU DẦU CHUYÊN DỤNG CHO CÁC CÔNG TY SẢN XUẤT TRÊN KHẮP VIỆT NAM VÀ THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU, SẢN PHẨM CỦA VOCARIMEX HIỆN DIỆN Ở NHIỀU QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI.**

Giữ vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị của Tập đoàn KIDO, Vocarimex hỗ trợ tích cực cho mục tiêu chinh phục thị trường thực phẩm tiêu dùng của Tập đoàn thông qua nền tảng quản trị chuỗi cung ứng, xuất nhập khẩu, kho vận, cảng chuyên dụng, đặc biệt là lợi thế kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh công nghiệp và xuất khẩu.



**CON NGƯỜI**

Con người là tài sản quan trọng nhất của Tập đoàn KIDO và tại Vocarimex cũng không ngoại lệ. Chúng tôi luôn đặt sự quan tâm đến người lao động lên hàng đầu và xây dựng môi trường làm việc năng động, tạo mọi điều kiện để phát huy sự tự tin, sáng tạo, năng động trong công việc. Hiện nay, Vocarimex có đội ngũ nhân sự nòng cốt, am hiểu chuyên môn và toàn tâm trong việc tạo dựng giá trị, mang đến lợi ích cao nhất cho cổ đông.

**KHÁCH HÀNG**

Khách hàng là giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, Vocarimex nỗ lực mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất hướng đến mục tiêu phát triển doanh nghiệp. Tại Vocarimex, chúng tôi luôn không ngừng nỗ lực để phát triển đúng sản phẩm và cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp để tối đa hóa lợi ích cho khách hàng. Đối tượng khách hàng của Vocarimex chủ yếu là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, do vậy chúng tôi cam kết những sản phẩm đảm bảo chất lượng nhất, an toàn cùng dịch vụ hoàn hảo.



**ĐỔI MỚI**

Không ngừng đổi mới chính là yếu tố then chốt khẳng định tính tiên phong và sự năng động của Vocarimex trước những vấn đề cạnh tranh trên thị trường và nhanh chóng bắt kịp mọi xu hướng thay đổi từ nhu cầu khách hàng. Tại Vocarimex, chúng tôi luôn cố gắng mang đến sự sáng tạo hiệu quả nhất trong lĩnh vực Vocarimex đang kinh doanh, đồng thời tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác từ nhà cung cấp đến từng đối tác chiến lược.

**CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM**

Đến từ những nỗ lực của đội ngũ nhân sự và văn hóa sáng tạo mà Vocarimex đang nuôi dưỡng, những sản phẩm và dịch vụ mà Vocarimex mang đến cho khách hàng là một phần giá trị cốt lõi trong chuỗi giá trị của Tổng Công ty. Chúng tôi không chỉ đảm bảo mang đến những sản phẩm tốt nhất mà còn là đơn vị dẫn đầu về chất lượng dịch vụ.

**CỘNG ĐỒNG**

Vocarimex luôn ưu tiên hàng đầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng vẫn luôn ý thức về các tác động của chúng tôi đối với môi trường và cộng đồng. Chúng tôi cam kết hạn chế tối đa tất cả những ảnh hưởng bất lợi về môi trường và luôn chủ động mang đến những điều tốt đẹp nhất cho cộng đồng và xã hội.

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### “ VAI TRÒ VÀ THỂ MẠNH CỦA VOCARIMEX TRONG HÀNH TRÌNH HƠN 40 NĂM QUA ĐÃ CHÍNH THỨC BƯỚC SANG MỘT GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI KHI CHÍNH THỨC TRỞ THÀNH THÀNH VIÊN CỦA TẬP ĐOÀN KIDO

Kính thưa Quý cổ đông,

**T**hể mạnh vượt trội về nền tảng xuất nhập khẩu dầu ăn cùng bề dày kinh nghiệm trong kinh doanh nguyên liệu dầu chế biến công nghiệp, Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam luôn thể hiện tầm vóc và năng lực của một Tổng Công ty phát triển cùng sự đi lên của nền kinh tế Việt Nam. Vai trò và thể mạnh của Vocarimex trong hành trình hơn 40 năm qua đã chính thức bước sang một giai đoạn phát triển mới khi chính thức trở thành thành viên của Tập đoàn KIDO và tôi vui mừng được chia sẻ đến Quý cổ đông những bước chuyển nổi bật trong năm vừa qua của Vocarimex.

#### Vocarimex và bước chuyển mình khẳng định vị thế

Tháng 05/2017, Vocarimex trở thành công ty thành viên của Tập đoàn KIDO đã đánh dấu chặng đường phát triển mới sau bước ngoặt 40 năm hiện diện trên thị trường dầu ăn Việt Nam. Đây là cột mốc quan trọng và có ý nghĩa đặc biệt đối với Tổng Công ty, mở ra những cơ hội phát triển lớn mạnh hơn cho chặng đường nâng tầm thương hiệu, khẳng định vị thế Tổng Công ty cung cấp nguyên liệu dầu công nghiệp hàng đầu Việt Nam.

Doanh thu thuần  
(Tỷ đồng)

# 4.388

Sở hữu nhà máy hiện đại, hệ thống dây chuyền sản xuất tiên tiến từ Châu Âu, áp dụng tiêu chuẩn sản xuất ISO 9001: 2008; ISO 2000: 2015; HACCP, Vocarimex đã ngày càng khẳng định thể mạnh của mình trong việc nghiên cứu tinh chế dầu và đưa ra phối thức sản phẩm chuyên biệt có chất lượng vượt trội, đáp ứng yêu cầu khắc khe nhất của các đối tượng khách hàng khác nhau. Bên cạnh việc khai thác hiệu quả lợi thế về cảng biển chuyên dụng trong ngành dầu ăn, hệ thống bồn bể có dung lượng lớn, thể mạnh logistic cùng hệ thống chuỗi cung ứng quy mô... Trong năm qua, chúng tôi cũng thể hiện sự chủ động trong việc tái cấu trúc hệ thống kênh phân phối chuyên biệt theo đặc thù kinh doanh của Vocarimex, chuẩn hóa quy trình trên mỗi hoạt động gắn liền với định hướng chung từ Tập đoàn.

Bằng những thiết kế, quy hoạch mang tính quyết định, năm 2017, Vocarimex đã tập trung tái cấu trúc hoạt động đầu tư tại các công ty liên doanh, liên kết nhằm gia tăng hiệu quả của các khoản đầu tư; chuyển đổi định hướng hoạt động, tập trung vào khai thác, phát triển khối khách hàng công nghiệp, thương mại và xuất khẩu. Chỉ sau thời gian ngắn tiếp cận thị trường theo định hướng mới, doanh thu từ mảng thương mại, công nghiệp và xuất khẩu vô cùng khả quan và đây là cơ sở, tiền đề quan trọng để chúng tôi tiếp tục đẩy mạnh tập trung trong giai đoạn sắp tới.

Mảng công nghiệp, thương mại, xuất nhập khẩu mạnh, khẳng định tầm ảnh hưởng của chúng tôi trong lĩnh vực dầu ăn trên thị trường khi vừa sở hữu, đầu tư, liên doanh, liên kết ở các công ty thành viên có hoạt động sản xuất, kinh doanh dầu ăn lớn tại Việt Nam. Điều này cũng giúp chúng tôi gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường khi đàm phán và thương thảo đối với đối tác và khách hàng dựa trên lợi thế quy mô có được. Tích hợp hiệu quả cùng năng lực Tập đoàn, tôi tin rằng Vocarimex sẽ còn tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ hơn nữa khi Vocarimex có thể ngày càng khai thác tối đa thể mạnh của một Tổng Công ty và khẳng định vai trò quan trọng trong hệ thống kênh phân phối hàng công nghiệp, thương mại và xuất nhập khẩu chuyên biệt đáp ứng mục tiêu tăng trưởng bền vững của cả Tập đoàn.

**Năm 2018, khởi đầu giai đoạn tăng trưởng bức phá và mở rộng tầm ảnh hưởng**

40 năm hiện diện trên thị trường, Vocarimex có năng lực, kinh nghiệm để vươn mình khẳng định vị thế. Vẫn là mục tiêu chinh phục mảng kinh doanh công nghiệp, thương mại và thị trường xuất khẩu, 2018 sẽ là năm khởi đầu cho giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ của Vocarimex khi chúng tôi hoạch định chiến lược và cách thức thực thi hướng về thị trường, theo nhu cầu của khách hàng. Không chỉ phát triển doanh thu tại thị trường hiện hữu, Vocarimex được định hướng để phát triển khai thác thị trường theo từng khu vực. Thiết kế sản phẩm theo nhu cầu khách hàng của từng vùng, từng khu vực để có thể cung cấp đúng sản phẩm, theo đúng nhu cầu của từng nhóm khách hàng tại các khu vực, vùng miền khác nhau.

Với định hướng chiến lược hoạt động mới hứa hẹn mở ra cho Vocarimex nhiều cơ hội phát triển trong tương lai nhưng đồng thời cũng sẽ gặp không ít khó khăn, thách thức trong quá trình triển khai. Do đó, đòi hỏi chúng tôi phải tiếp tục đẩy nhanh quá trình tích hợp năng lực từ Tập đoàn, chuẩn hóa vận hành, xây dựng các quy chuẩn trong cách thức thực hiện, triển khai nhằm tạo sự kết nối giữa các đơn vị thành viên, giữa các Team, các đơn vị phòng ban và giữa các nhân viên với nhau để mang lại hiệu quả thực thi tốt nhất.

Tôi tin rằng, với những thay đổi trọng tâm trong năm vừa qua cùng chiến lược khai thác thị trường một cách có trọng điểm, Vocarimex sẽ hoàn thành các mục tiêu trong năm và khẳng định vị thế của một Tổng Công ty lớn mạnh, hàng đầu Việt Nam.

Kính thưa Quý cổ đông,

Vocarimex đã trải qua nhiều giai đoạn chuyển đổi và tái cấu trúc, chúng tôi trân trọng sự đồng hành, ủng hộ và hợp tác bền chặt của Quý cổ đông, Nhà đầu tư, đội ngũ CBCNV, Đối tác, Nhà cung cấp, Nhà phân phối,... trên suốt hành trình phát triển không ngừng của Vocarimex. Trên bước đường phát triển sắp tới, tôi mong rằng Quý vị sẽ tiếp tục tin tưởng, ủng hộ và đồng hành cùng chúng tôi. Chính sự ủng hộ của Quý vị là nguồn động lực giúp Vocarimex tự tin chinh phục mọi thử thách và cùng nhau chia sẻ thành công trong giai đoạn phát triển mới.

#### TRẦN KIM THÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam  
- CTCP

## THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



### Kính thưa Quý cổ đông,

Năm 2017 đánh dấu cột mốc quan trọng khi Vocarimex chính thức trở thành thành viên của Tập đoàn KIDO và thiết lập vai trò quan trọng trong cơ cấu của Tập đoàn trên hành trình chinh phục thị trường thực phẩm thiết yếu. Tích hợp lợi thế từ Tập đoàn, gắn kết, phối hợp chặt chẽ cùng các đơn vị thành viên, Vocarimex đã có nhiều thay đổi và tăng trưởng tích cực.

Nằm trong định hướng chiến lược của Tập đoàn, thời gian qua Vocarimex đã xây dựng chiến lược phát triển Vocarimex dựa trên đẩy mạnh đầu tư, tái cấu trúc hệ thống kênh công nghiệp và gia tăng năng lực xuất nhập khẩu. Hệ thống bán hàng kênh công nghiệp được đẩy mạnh, thâm nhập sâu vào thị trường dầu ăn thương mại; Tiếp cận có trọng tâm đến các doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng dầu thực vật trong sản xuất kinh doanh để mở rộng thị trường; Tăng cường cải tiến chất lượng, phát triển sản phẩm để mở rộng hệ thống kinh doanh xuất nhập khẩu là thế mạnh lớn của Vocarimex trên thị trường hiện nay. Hiện nay, Vocarimex đã mở rộng xuất khẩu trên nhiều quốc gia, đang trên đà xây dựng và chuẩn hóa hệ thống phân phối kênh công nghiệp trên toàn quốc. Từng bước xây dựng nền tảng phát triển vững chắc, hướng đến mục tiêu trở thành Tổng Công ty cung cấp và xuất khẩu nguyên liệu dầu thực vật hàng đầu Việt Nam.

Tại Vocarimex, chúng tôi hiểu rõ đặc tính và chất lượng nguyên liệu dầu đóng vai trò quan trọng góp phần tạo nên thành phẩm đạt tiêu chuẩn cao. Định hướng mở rộng, khai thác tối đa tiềm năng phát triển tại các thị trường mục tiêu, chúng tôi đã chủ động đẩy mạnh đa dạng hóa chủng loại sản phẩm với nhiều công thức phối trộn chuyên biệt, phù hợp với nhu cầu sử dụng đa dạng của nhiều đối tượng khách hàng, các doanh nghiệp thuộc nhiều ngành nghề khác nhau tại các khu vực, vùng miền khác nhau. Thực hiện tổ chức, sắp xếp quản lý dữ liệu khách hàng theo từng nhóm khách hàng chuyên biệt. Tăng cường phối hợp giữa các bộ phận Bán hàng, R&D, Marketing,... góp phần gia tăng lợi thế cạnh tranh và phát huy hiệu quả hoạt động.

**THAM GIA VÀO TẬP ĐOÀN KIDO VỚI  
VAI TRÒ CHIẾN LƯỢC, VOCARIMEX  
ĐANG TỪNG BƯỚC TÍCH HỢP LỢI THẾ TỪ  
TẬP ĐOÀN, PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NHÂN  
SỰ, ĐỔI MỚI TƯ DUY SÁNG TẠO, CHÚ TRỌNG  
CÔNG TÁC ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN  
NHÂN LỰC, CHUẨN HÓA HỆ THỐNG VẬN  
HÀNH, TINH GỌN QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG,  
XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC NĂNG  
ĐỘNG, HỘI NHẬP CÙNG GUỒNG MÁY VẬN  
HÀNH CỦA TOÀN TẬP ĐOÀN.**

Hôm nay, tôi rất vui mừng và hân hạnh được trình bày với Quý cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh của Vocarimex trong năm vừa qua.

Kết thúc năm tài chính 2017, Vocarimex ghi nhận doanh thu thuần 4.388 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 300 tỷ đồng, hoàn thành 149,9% kế hoạch cam kết trước Đại hội Cổ đông. Trong đó, doanh thu thuần từ kênh công nghiệp và xuất khẩu tăng trưởng mạnh lần lượt là 52,6% và 14,9% so với năm 2016. Đây được xem là tín hiệu tích cực cho những chuyển đổi và mục tiêu phát triển mà Vocarimex đang hướng đến và là minh chứng rõ nhất cho định hướng phát triển của Hội đồng Quản trị Tập đoàn và sự điều hành của Ban lãnh đạo Tổng Công ty.

Mục tiêu trở thành doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu dầu thực vật hàng đầu Việt Nam, năm 2018 sẽ là năm bản lề quan trọng để Vocarimex có thể phát huy hết thế mạnh của một Tổng Công ty Công nghiệp Dầu có thế mạnh và hiện diện hơn 40 năm trên thị trường Việt Nam, phát huy tối đa tiềm năng lớn mạnh mà Vocarimex đang sở hữu. Chúng tôi sẽ đẩy mạnh xây dựng và phát triển thị trường phù hợp với đặc thù kinh doanh của Vocarimex và gắn liền với lộ trình phát triển đồng bộ theo định hướng chung từ Tập đoàn.

Vocarimex đang trong giai đoạn chuyển đổi, tái hoàn thiện chính mình, không ngừng nỗ lực và gắn kết cùng nhau để tối ưu hóa hiệu quả trên mỗi hoạt động. Chủ động đổi mới hội nhập, không ngừng thiết kế và hoạch định chiến lược đúng đắn, tăng cường đầu tư phát triển nội lực bên trong, xây dựng nền tảng phát triển vững chắc, Vocarimex đã sẵn sàng cho những bứt phá mạnh mẽ trong tương lai.

Hơn 40 năm hiện diện trên thị trường với nhiều giai đoạn chuyển đổi và phát triển, giờ đây, Vocarimex đang đứng trước vận hội đổi mới và tăng trưởng cùng định hướng mở lối đi riêng, khẳng định giá trị thương hiệu trên thị trường dầu ăn Việt Nam. Tích hợp lợi thế từ Tập đoàn KIDO cùng kinh nghiệm và sự am hiểu sâu sắc về ngành dầu ăn, tôi tin chắc rằng Vocarimex sẽ gặt hái được nhiều thành công và sớm hoàn thành mục tiêu đề ra.

Nhìn lại chặng đường phát triển của Vocarimex, tôi trân trọng cảm ơn sự đồng hành, ủng hộ của Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, Quý đối tác, đội ngũ CBCNV... Chính sự tin tưởng, hợp tác của Quý vị đã góp phần quan trọng cho sự lớn mạnh của Vocarimex. Trên chặng đường phát triển mới, tôi mong Quý cổ đông sẽ tiếp tục giữ vững niềm tin và sát cánh cùng Vocarimex chinh phục những thành công mới. Sau cùng, tôi xin kính chúc sức khỏe, thành công đến Quý cổ đông.

### NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU

Tổng Giám đốc điều hành  
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam  
- CTCP  
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH



## **ÔNG TRẦN KIM THÀNH**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP

Ông Thành được bổ nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Vocarimex từ năm 2014 và dẫn dắt quá trình tái cấu trúc Tổng Công ty phát triển thành đơn vị hàng đầu trong ngành dầu thực vật Việt Nam.

Ông Thành là một doanh nhân nhiều kinh nghiệm trong quản lý và điều hành kinh doanh. Là thành viên đồng sáng lập kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO, bằng kinh nghiệm và chiến lược sắc bén của mình, ông đã góp phần quan trọng trong việc dẫn dắt Tập đoàn KIDO trở thành một trong những Tập đoàn thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam.

Bên cạnh vai trò là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO, ông còn là thành viên Hội đồng Quản trị của rất nhiều tập đoàn qui mô khác hoạt động trong lĩnh vực kinh tế tư nhân.



## **ÔNG TRẦN LỆ NGUYÊN**

Thành viên Hội đồng Quản trị  
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP

Là doanh nhân thành đạt, một nhà lãnh đạo quyết đoán với những thành tích kinh doanh nổi bật trong nhiều thập niên qua. Ông Nguyên là thành viên đồng sáng lập và là Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc của Tập đoàn KIDO. Dưới sự điều hành của ông, KIDO trở thành một trong những thương hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam, sở hữu danh mục sản phẩm phong phú và dẫn đầu thị trường. Ngoài ra, ông cũng rất thành công trong một loạt các thương vụ M&A nổi tiếng tại Việt Nam.

Ông Nguyên cũng là Ủy viên Hội đồng Quản trị Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI), đồng thời giữ các chức vụ quan trọng trong các công ty hàng đầu khác tại Việt Nam.



## **BÀ NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU**

Thành viên Hội đồng Quản trị  
& Tổng Giám đốc điều hành  
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật  
Việt Nam – CTCP

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu đã gắn bó với Tập đoàn KIDO từ năm 2014 và hiện nay, bà là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO, Thành viên HĐQT Tường An, Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP (Vocarimex). Bà đã có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính.

Bằng kinh nghiệm và tư duy năng động, bà đã có những đóng góp thiết thực cho việc tích hợp giá trị sau chuyển đổi M&A, tạo nên những thành công nhất định cho Vocarimex.

Bà tốt nghiệp Cử nhân và Cao học, đồng thời bà bảo vệ xuất sắc luận án Tiến sỹ Kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM. Bà vinh dự được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành, giải thưởng Doanh nhân Việt Nam và Huân chương Lao động của Chủ tịch nước trao tặng.



## **ÔNG ĐINH QUỐC HƯNG**

Thành viên Hội đồng Quản trị  
& Phó Tổng Giám đốc điều hành  
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật  
Việt Nam – CTCP

Ông Hưng là thành viên Hội đồng Quản trị & Phó Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP (Vocarimex). Ông Hưng tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Đối ngoại tại Đại học Ngoại thương Tp. HCM. Ông đã gắn bó với Vocarimex từ năm 1988 và đã nắm giữ nhiều vị trí quan trọng khác nhau. Bằng nhiều kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực điều hành kinh doanh và quản lý chuỗi cung ứng, ông đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển Vocarimex lớn mạnh như ngày hôm nay.

Với nhiều đóng góp cho ngành, ông đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động Hạng III, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Bộ Công thương và nhiều bằng khen khác của các cấp, ban ngành.



## **ÔNG NGUYỄN HÙNG CƯỜNG**

Thành viên Hội đồng Quản trị  
& Phó Tổng Giám đốc điều hành  
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật  
Việt Nam – CTCP

Là một trong những thành viên có thâm niên, với hơn 28 năm làm việc tại Vocarimex, ông Cường là người giàu kinh nghiệm quản lý, điều hành mà trọng tâm là công tác tài chính, kế toán tại Tổng Công ty. Ông Cường có bằng Thạc sỹ Kinh tế. Bằng kinh nghiệm và cách tư duy thực tiễn của mình, ông đã có nhiều đóng góp quan trọng vào sự phát triển và thành công của Vocarimex.

Với những đóng góp của mình ông đã vinh dự được tặng Huân chương Lao động Hạng III, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Bộ Công thương, Bộ Tài chính, danh hiệu Chiến sĩ Thi đua toàn quốc và nhiều bằng khen khác của các cấp, ban ngành.



**BÀ NGUYỄN THỊ TRANG**

Trưởng Ban Kiểm soát  
Tổng Công ty Công nghiệp  
Dầu thực vật Việt Nam – CTCP

Bà Trang là người giàu kinh nghiệm về quản lý tài chính, quản lý danh mục đầu tư. Bà đã tham gia triển khai chiến lược cho các thương vụ mua bán, sáp nhập của Tập đoàn KIDO, thực hiện quản lý dòng tiền, huy động vốn cũng như các dự án tái cấu trúc của Tập đoàn.

Bà Trang tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán, và hiện nay, bà đảm nhiệm vị trí Giám đốc Đầu tư của Tập đoàn KIDO; Thư ký Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An; Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông lạnh KIDO.



**BÀ HUỖNH NGỌC NỮ PHƯƠNG NGA**

Thành viên Ban Kiểm soát  
Tổng Công ty Công nghiệp  
Dầu thực vật Việt Nam – CTCP

Bà Nga tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính, gia nhập Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP (Vocarimex) với vị trí Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ. Bà Nga có nhiều kinh nghiệm về tài chính, quản lý danh mục đầu tư, quản lý nhân sự và điều hành kinh doanh.

Bà đã đảm nhiệm những vị trí quan trọng tại các doanh nghiệp quốc doanh như Phó trưởng phòng Khách hàng, Trưởng phòng Tổ chức tại Vietinbank, Giám đốc Chi nhánh tại GP Bank.

Hiện tại, bà Nga là Giám đốc Nhân sự Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP.



**BÀ TRẦN THỊ HỒNG LĨNH**

Thành viên Ban Kiểm soát  
Tổng Công ty Công nghiệp  
Dầu thực vật Việt Nam – CTCP

Bà Linh công tác tại Ban ĐT4 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC) và được SCIC cử làm người đại diện vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Dược phẩm TBYT Hà Nội (Hapharco), Công ty Cổ phần Thiết bị Khí tượng Thủy văn & Môi trường Việt Nam với vị trí là thành viên Hội đồng Quản trị ở những công ty này. Bà Linh có bằng Cử nhân Quản trị Kinh doanh, bằng Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

# CHIẾN LƯỢC & VẬN HÀNH



## CÂU CHUYỆN CỦA CHÚNG TÔI

“**NĂM 1976, VOCARIMEX LÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC ĐƯỢC THÀNH LẬP VỚI MỤC ĐÍCH ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NỀN CÔNG NGHIỆP DẦU ĂN TẠI VIỆT NAM. TRONG NHỮNG NĂM QUA, VOCARIMEX ĐÃ ĐẦU TƯ VÀ THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP VỚI NHIỀU ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC TRONG KHU VỰC. BẰNG NHIỀU THƯƠNG VỤ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC, NĂNG LỰC SẢN XUẤT VÀ HỆ THỐNG KHO VẬN, LOGISTIC LỚN MẠNH, VOCARIMEX ĐÃ TRỞ THÀNH CÔNG TY HÀNG ĐẦU TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU ĂN TẠI VIỆT NAM.**



**1975**

Tiếp quản 4 nhà máy sản xuất dầu thực vật tại miền Nam. Tổng công suất tinh luyện của các nhà máy ước đạt 18.000 tấn/năm.

**1986**

Công ty Dầu thực vật Miền Nam đổi tên thành Liên hiệp các Xí nghiệp Dầu thực vật Việt Nam.

**1992**

Chính thức thành lập Công ty Dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (Vocarimex).

**1996**

Trở thành đối tác liên kết với Wilmar thành lập Công ty Dầu thực vật Cái Lân (Calofic).

**2015**

Vocarimex chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần và Tập đoàn KIDO trở thành Cổ đông chiến lược nắm giữ 24% cổ phần Tổng Công ty. Vocarimex trở thành công ty cổ phần dầu thực vật lớn nhất Việt Nam với hàng loạt công ty con và công ty liên kết.

**1976**

Thành lập Công ty Dầu thực vật Miền Nam theo cơ chế quản lý Nhà nước.

**1991**

Tiến hành hợp tác liên kết với Sime Darby thành lập Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè.

**2010**

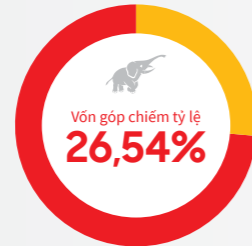
Sản lượng tiêu thụ đạt 750.000 tấn, Vocarimex xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác bền vững với các tập đoàn kinh doanh Quốc tế, các đối tác trong và ngoài nước. Hợp tác với Musim Mas Việt Nam thành lập Công ty TNHH Dầu thực vật miền Bắc.

**2017**

KIDO nâng tỷ lệ sở hữu từ 24% lên 51% thông qua chào mua công khai.



## CÂU CHUYỆN CỦA CHÚNG TÔI (tiếp theo)



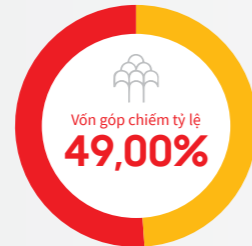
### CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Có tổng công suất thiết kế đạt 240.000 tấn/năm  
(sản lượng tiêu thụ bình quân 180.000 tấn/năm).



### CÔNG TY TNHH DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN

Có tổng công suất thiết kế hơn 400.000 tấn/năm.



### CÔNG TY DẦU ĂN GOLDEN HOPE – NHÀ BÈ

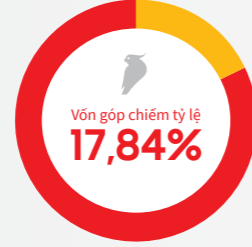
Có tổng công suất thiết kế hơn 100.000 tấn/năm.



### CÔNG TY TNHH LG VINA



### CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU THỰC VẬT (VMPACK)



### Đầu tư tài chính khác:

### CÔNG TY CP DẦU THỰC VẬT TÂN BÌNH

Có tổng công suất thiết kế 70.000 tấn/năm.

## TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

### VOCARIMEX CÓ VỊ THẾ DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG DẦU ĂN VIỆT NAM



TRẢI QUA HƠN

**40** NĂM

**VOCARIMEX LUÔN KHẲNG ĐỊNH VỊ TRÍ HÀNG ĐẦU TRONG SẢN XUẤT – KINH DOANH DẦU THỰC VẬT VÀ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DOANH NGHIỆP CÓ LIÊN QUAN TRONG LĨNH VỰC DẦU ĂN.**



Từ những ngày đầu thành lập, Vocarimex đã đặt mục tiêu cung cấp những sản phẩm chất lượng, dinh dưỡng và an toàn đến người tiêu dùng. Và cho đến nay, mục tiêu đó vẫn luôn kiên định, chiến lược phát triển của Vocarimex đều đạt khách hàng ở vị trí trung tâm.

Vocarimex luôn thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý các sản phẩm dầu thực vật của Vocarimex đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo qui định của Việt Nam và các quy định trong xuất khẩu. Là đại diện ngành kinh tế, kỹ thuật dầu thực vật tại Việt Nam, Vocarimex ngày càng nâng cao năng lực cạnh tranh, giữ vững và phát triển thị phần tiêu thụ trong nước cũng như tăng cường mở rộng thị trường xuất khẩu.

Hiện tại, Vocarimex sở hữu chuỗi cung ứng hoàn chỉnh có khả năng đáp ứng nhu cầu của tất cả các nhóm khách hàng công nghiệp tại Việt Nam. Chính thức trở thành thành viên của Tập đoàn KIDO từ tháng 5/2017, Vocarimex đã tiếp tục hiện đại hóa quy trình quản trị của mình và tập trung vào việc cải thiện hiệu quả hoạt động tại các bộ phận chức năng như hệ thống vận hành, quản trị tài chính, quảng bá và xây dựng thương hiệu.

## TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)



### TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP là

# 209

 người

TRONG ĐÓ

Trình độ tiến sỹ: 01 người, chiếm **0,5%**

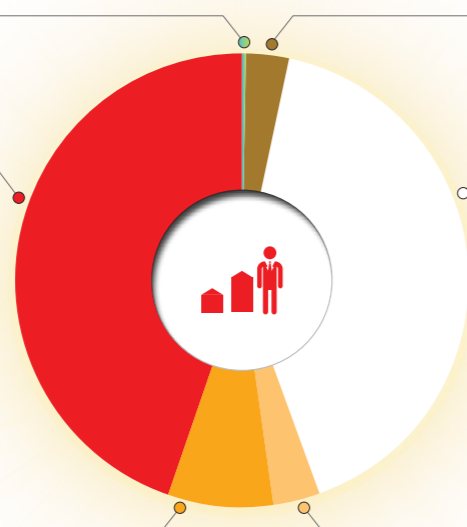
Trình độ thạc sỹ: 06 người, chiếm **2,9%**

Trình độ sơ cấp, phổ thông: 93 người, chiếm **44,5%**

Trình độ đại học: 86 người, chiếm **41,1%**

Trình độ trung cấp: 16 người, chiếm **7,7%**

Trình độ cao đẳng: 07 người, chiếm **3,3%**



# TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

## ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ



## TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

### ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ (tiếp theo)



**CÔNG TY DO ỦY BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH (EMC) LÃNH ĐẠO VÀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA TẬP ĐOÀN VÀ THÚC ĐẨY CÁC KẾT QUẢ KINH DOANH CHUNG**

Nhằm tạo sự cân bằng giữa mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, Tập đoàn KIDO đã thực hiện tái cấu trúc để duy trì hệ thống dịch vụ tập trung và phi tập trung trong quá trình gắn kết vận hành cùng các đơn vị thành viên. Dịch vụ tập trung được nhận định là các dịch vụ có yêu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng dài hạn và mang lại lợi ích từ quy mô thực hiện tại các đơn vị kinh doanh. Các hoạt động và dịch vụ phi tập trung được thiết kế hướng đến

các hoạt động và bộ phận chức năng có mối tương tác chặt chẽ với thị trường và người tiêu dùng. Dịch vụ phi tập trung bao gồm các hoạt động có đầu tư ngắn hạn và yêu cầu sự ứng biến và linh hoạt thích ứng với những biến đổi của thị trường.

Tại Tập đoàn, định hướng chiến lược được thiết lập và đầu tư dài hạn nhằm hỗ trợ từng đơn vị thành viên trong Tập đoàn. Dựa trên định hướng chiến lược từ

Tập đoàn, các đơn vị thành viên như Vocarimex sẽ nắm giữ vai trò then chốt khác nhau và được phép linh hoạt vận hành theo kế hoạch hoạt động hằng năm. Vocarimex được cấu trúc theo mô hình 3 Team gồm: Team Kinh doanh, Chuỗi cung ứng và Team Hỗ trợ. Mục tiêu của mỗi team là vận hành phối hợp để tối đa hóa hiệu quả hoạt động hướng đến mục tiêu hình thành giá trị và mang đến những trải nghiệm thiết thực cho khách hàng.



**TEAM 1**

**Team 1 - Team kinh doanh** là team đề ra phương hướng hoạt động trong bán hàng, phân phối, tiếp thị, phát triển sản phẩm và tìm hiểu người tiêu dùng. Team 1 thường xuyên tương tác, kết nối chặt chẽ với người tiêu dùng, nghiên cứu môi trường cạnh tranh và xu hướng của thị trường. Từ đó, các bộ phận của Team 1 có thể thấu hiểu sâu sắc nhu cầu và mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Vai trò của Team 1 là cung cấp thông tin phản hồi và thông tin cho toàn bộ Công ty và phối hợp chặt chẽ với các bộ phận chức năng của Công ty hướng đến mục tiêu cung cấp đúng sản phẩm, vào đúng thời điểm, ở đúng nơi và đúng sản phẩm đến người tiêu dùng. Nhiệm vụ của các Team hỗ trợ (Team 2 và Team 3) được đặt xung quanh Team 1 để hỗ trợ, đưa ra các ý kiến nhằm phản hồi hoặc dự báo nhu cầu của khách hàng, những xu hướng của thị trường và luôn lấy người tiêu dùng là trung tâm.



**TEAM 2**

Nhóm chức năng quan trọng tiếp theo trong hệ thống vận hành của công ty là **Team 2 - Team Quản trị chuỗi cung ứng (SCM)**, chuyên trách về các hoạt động sản xuất thành phẩm, kiểm soát chất lượng, hậu cần và kho vận. Team SCM chính là thế mạnh cốt lõi của Tập đoàn và mang lại thành công cho Vocarimex. Team SCM có trách nhiệm quản lý việc sản xuất hàng hóa, hiệu quả về sản xuất và phân phối sản phẩm đạt hiệu quả cao nhất. Sự phối hợp chặt chẽ của Team 2 với Team 1 giúp đảm bảo cung cấp đúng sản phẩm, đúng khối lượng đến đúng đối tượng khách hàng với mức giá cạnh tranh nhất. Đây là bước tiến quan trọng trong chính sách khách hàng và tăng cường phát triển lợi thế cạnh tranh cho Vocarimex.



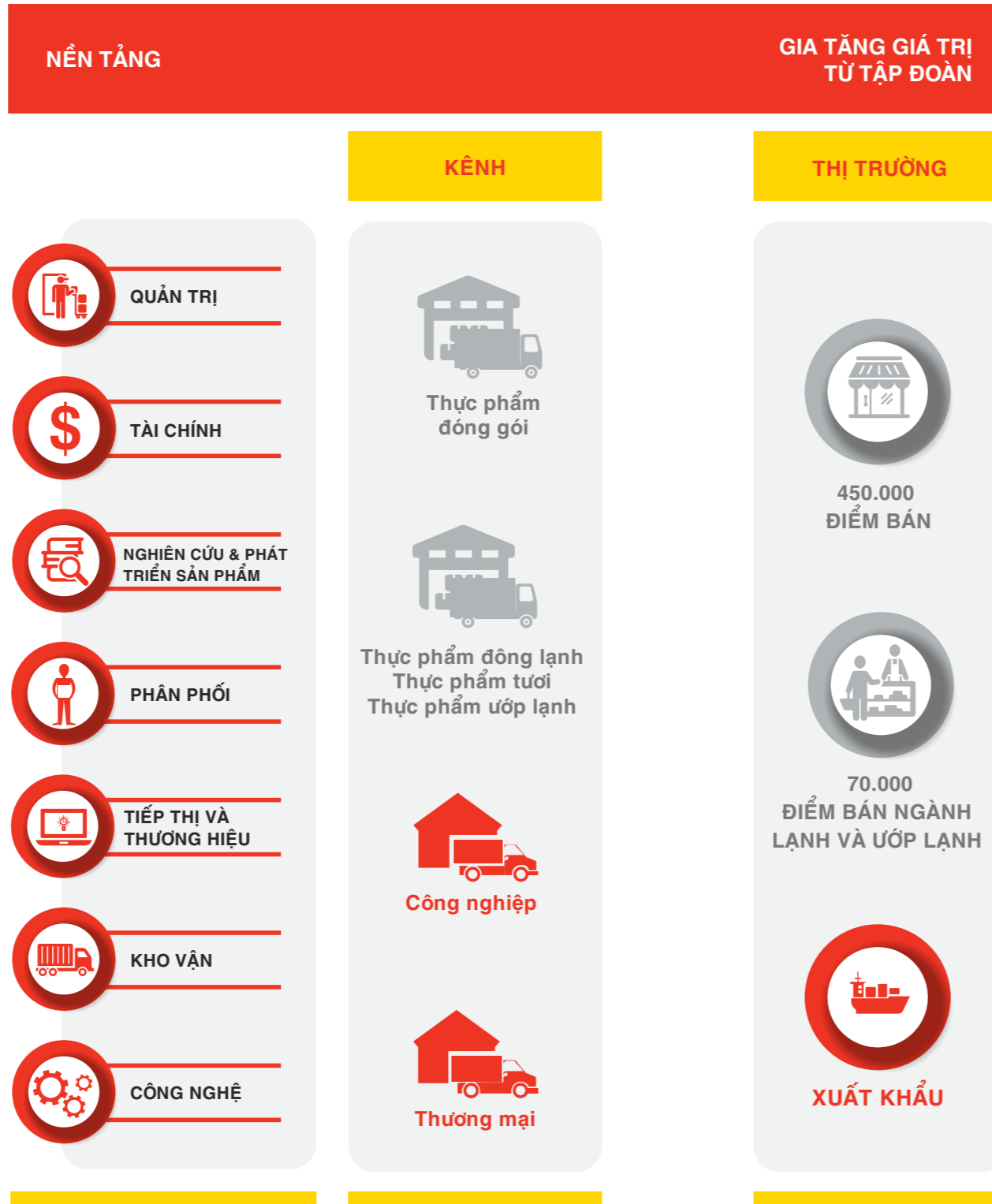
**TEAM 3**

**Team 3 - Team hỗ trợ** là Team có các chức năng đặc trưng nhằm hỗ trợ cho hoạt động của Công ty bao gồm nhân sự, hành chính, kế toán tài chính và kế toán quản trị. Bản chất các dịch vụ của Team 3 cung cấp liên quan đến cơ sở hạ tầng, do vậy các dịch vụ như IT, Quản trị Quy trình Kinh doanh, Truyền thông, Quan hệ Nhà đầu tư, Quản trị mua hàng và Tài chính được tập trung quản lý bởi Tập đoàn. Điều này cho phép mỗi công ty có thể tập trung vào việc tạo ra lợi nhuận và giá trị khác mà không bị chi phối bởi các vấn đề liên quan đến việc đầu tư cơ sở hạ tầng dài hạn.

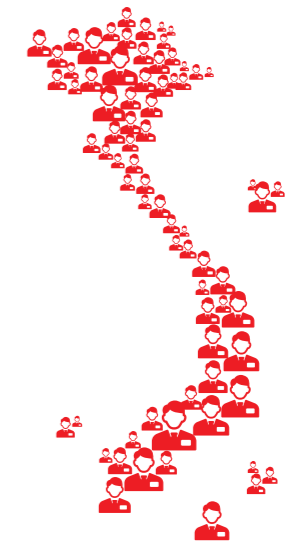
# CÁC HOẠT ĐỘNG

## MÔ HÌNH KINH DOANH

### VOCARIMEX



## NGƯỜI TIÊU DÙNG



GẦN **95** TRIỆU DÂN VÀ MỞ RỘNG RA CÁC NƯỚC

## CÁC HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

### NĂNG LỰC CỐT LÕI



## VOCARIMEX MỞ RỘNG NĂNG LỰC SẢN XUẤT 130.000 tấn dầu/năm

Nghiên cứu & phát triển các loại dầu ăn và chất béo tùy chỉnh, phù hợp với nhu cầu sản xuất của từng khối khách hàng công nghiệp khác nhau như: bánh kẹo, sữa, mì ăn liền, hải sản, dược phẩm và mỹ phẩm.

- Đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, ISO 2000: 2015, HACCP, CODEX.
- Xưởng tinh luyện công suất 130.000 tấn/năm.
- Xưởng thành phẩm với dây chuyền chiết rót và đóng gói tự động.
- Xưởng ép dầu mè đạt chuẩn xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản, công suất 4.000 tấn dầu mè/năm.

## SỞ HỮU CẢNG NHÀ BÈ

Cảng Nhà Bè là cảng nước sâu đa năng tọa lạc tại Tp.HCM. Cảng được trang bị 4 cầu tàu hiện đại cùng kho bãi quy mô có khả năng tiếp nhận tàu hàng có trọng tải 20.000 DWT, tàu dầu có trọng tải 5.000 tấn.



Cảng được trang bị  
**4** CẦU TÀU  
HIỆN ĐẠI



Tiếp nhận tàu hàng  
có trọng tải  
**20.000** DWT



Tàu dầu có trọng tải  
**5.000** TẤN

## CÁC HOẠT ĐỘNG (tiếp theo) NĂNG LỰC CỐT LÕI (tiếp theo)



### NĂNG LỰC R&D VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

Nghiên cứu & phát triển các loại dầu ăn và chất béo tùy chỉnh, phù hợp với nhu cầu sản xuất của từng khối khách hàng công nghiệp khác nhau như: bánh kẹo, sữa, mì ăn liền, hải sản, dược phẩm và mỹ phẩm.

### HỆ THỐNG BỒN CHỨA DẦU TRỮ LƯỢNG LỚN



Với hệ thống kho chứa gần 8.000 m<sup>2</sup> và bồn chứa chất lỏng 22.300 m<sup>3</sup> thiết kế hiện đại, đường ống được kết nối với nhau, hệ thống ống công nghệ đóng vai trò liên kết giúp vận chuyển các chất lỏng đến bồn chứa là nơi lưu trữ sản phẩm dầu cho hoạt động xuất, nhập khẩu đảm bảo thuận tiện, an toàn và chất lượng.



Hệ thống kho chứa gần  
**8.000 m<sup>2</sup>**



Bồn chứa chất lỏng  
**22.300 m<sup>3</sup>**  
thiết kế hiện đại

# VOCARIMEX ĐƯỢC ĐẦU TƯ ĐỂ NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM.

## PHÂN KHÚC KINH DOANH



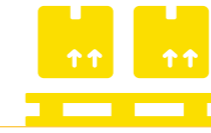
### CUNG CẤP DẦU NGUYÊN LIỆU

Một trong những phân khúc kinh doanh chủ lực của Vocarimex là cung cấp dầu nguyên liệu cho khách hàng công nghiệp. Vocarimex đặt mục tiêu tăng trưởng doanh số dựa trên hiệu quả phân phối và quản lý hiệu quả chi phí nguyên liệu. Đây chính là lợi thế chủ lực của Vocarimex hướng đến mục tiêu phục vụ 30% thị trường tiêu thụ dầu ăn. Tùy theo yêu cầu của khách hàng, Vocarimex sẽ sản xuất theo tiêu chuẩn đặt hàng chuyên biệt từ chất lượng sản phẩm đến kỹ thuật sản xuất. Bằng sự gắn kết chặt chẽ giữa nền tảng nhập khẩu và hệ thống quản trị vận hành hiệu quả, Vocarimex cam kết cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng với mức giá cạnh tranh.



### TINH LUYỆN DẦU

Khẳng định năng lực trong lĩnh vực sản xuất, tinh luyện dầu, hàng năm nhà máy của Vocarimex có thể sản xuất 130.000 tấn dầu tinh luyện các loại, 120.000 tấn dầu thành phẩm. Đặc biệt nhà máy sở hữu công nghệ sản xuất dầu mè chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xuất khẩu thị trường Nhật Bản với công suất đạt 4.000 tấn/năm.



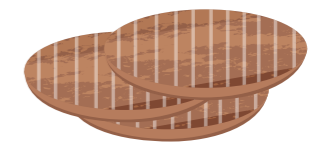
### THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Từ năm 1997, Vocarimex đã đầu tư dây chuyền máy móc hiện đại theo tiêu chuẩn châu Âu để thực hiện tinh luyện, chiết xuất, đóng gói các sản phẩm Dầu. Để đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe và nhu cầu mỗi thị trường như: Nhật Bản, Úc, New Zealand, Hàn Quốc, Iraq, Ghana... Vocarimex liên tục đầu tư, nâng cấp máy móc, thiết bị, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự để phát triển và ngày càng mở rộng thị trường xuất khẩu.

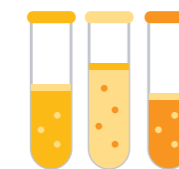


### SẢN PHẨM PHỤ TỪ DẦU

Ngoài thành phần chính từ quá trình tinh luyện Dầu, các sản phẩm như: Bánh dầu, Stearin, Shortening, Axit Béo hỗn hợp là những loại phụ phẩm trong quá trình sản xuất dầu thực vật dùng làm nguyên liệu chế biến trong ngành chế biến thực phẩm, thức ăn cho gia súc được Vocarimex cung cấp cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này.



Bánh dầu



Stearin



Shortening



Axit béo hỗn hợp



## TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI - CAM KẾT CỦA CHÚNG TÔI

Trong suốt 40 năm hình thành và phát triển

# VOCARIMEX CAM KẾT

VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA MÌNH THỰC HIỆN TRÊN TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC TỪ SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, CHĂM LO CHO ĐỜI SỐNG CBCNV ĐẾN VIỆC ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG

### CHẤT LƯỢNG

Vocarimex luôn chú trọng tìm kiếm những nhà cung cấp nguyên liệu có uy tín, đảm bảo nguồn nguyên liệu đạt chất lượng, ổn định và an toàn cũng như lựa chọn và đầu tư các thiết bị, công nghệ sản xuất đầu thực vật theo tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, chúng tôi luôn nâng cao trình độ chuyên môn của nhân viên và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, HACCP, CODEX nhằm mang đến những sản phẩm sinh dưỡng và an toàn cho khách hàng.



**BÊN CẠNH VIỆC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, VOCARIMEX ƯU TIÊN CHO CÁC QUY TRÌNH SẢN XUẤT THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG. HÀNG NĂM, VOCARIMEX THƯỜNG XUYÊN CẢI TẠO DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT, TÌM KIẾM CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG DO NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ HƠN CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG XANH.**



### PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một trong những Tập đoàn dầu thực vật hàng đầu tại Việt Nam, Vocarimex cam kết duy trì và thực hiện các chính sách, giải pháp và các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường. Trong những năm qua, Vocarimex đã thực hiện thành công các quy định về môi trường, thực hiện các dự án bảo vệ môi trường bao gồm:



1

Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải hiện đại đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B, Kq=1,1; Kf=1,1) với công suất 350 m<sup>3</sup>/ngày,đêm.

2

Đầu tư hệ thống xử lý khí thải lò hơi sử dụng dầu FO, khí thải lò sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 19: 2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

3

Rác thải nguy hại, rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp được phân loại, thu gom, lưu giữ trong khu vực riêng và chuyển giao cho đơn vị có uy tín trong dịch vụ xử lý nước thải thu gom, xử lý.

**VOCARIMEX LUÔN THỰC HIỆN NHIỀU BIỆN PHÁP GÓP PHẦN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NHƯ:**

Thực hiện kiểm toán năng lượng giúp Vocarimex tiết kiệm được chi phí trong sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt hơn công tác quản lý năng lượng.

Đưa vào sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm điện năng như lò hơi sử dụng nhiên liệu BIOMAS không gây ô nhiễm môi trường.

## HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

TRONG SUỐT **40** NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, CAM KẾT VỀ TRÁCH NHIỆM DOANH NGHIỆP ĐƯỢC VOCARIMEX THỰC HIỆN TRÊN TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC TỪ SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, CHĂM LO CHO ĐỜI SỐNG CBCNV ĐẾN VIỆC ĐÓNG GÓP CHO

# CỘNG ĐỒNG



Tặng học bổng cho các học sinh trong chương trình “Thắp sáng ước mơ” cho các sinh viên nghèo – học giỏi trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương; Thực hiện trao học bổng cho các học sinh, sinh viên nghèo, khuyết tật năm 2017; Ủng hộ Quỹ Khuyến học Dương Kỳ Hiệp, tỉnh Sóc Trăng; Tặng quà cho các bà con nghèo tại huyện Củ Chi; Tặng

quà cho bệnh nhân có hoàn cảnh khó khăn tại bệnh viện Nguyễn Tri Phương; Tặng quà cho các trẻ em học sinh nghèo hiếu học người dân tộc thiểu số tại Đức Trọng – Bảo Lộc, Lâm Đồng; Tặng quà tết cho các bà con khó khăn tại Quận 10, Tp. HCM; Xây dựng các nhà tình nghĩa tại xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang,...

# BÁO CÁO QUẢN TRỊ



## MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

**NĂM 2017, MÔI TRƯỜNG KINH DOANH TẠI VIỆT NAM KHỞI SẮC KHI ĐẠT MỨC TĂNG TRƯỞNG 6,81% SO VỚI NĂM 2016 VÀ TỶ LỆ LẠM PHÁT DAO ĐỘNG Ở MỨC 3,53%. LÃI SUẤT VÀ TỶ GIÁ BIẾN ĐỘNG Ở MỨC ỔN ĐỊNH HƠN NHỮNG NĂM TRƯỚC. CHỈ SỐ SẢN XUẤT NGÀNH CÔNG NGHIỆP TĂNG 9,4% SO VỚI NĂM TRƯỚC VÀ CAO HƠN SO VỚI MỨC TĂNG 7,4% CỦA NĂM 2016. TỔNG MỨC DOANH THU BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG ĐẠT 3.934 NGHÌN TỶ ĐỒNG, TĂNG 10,9% SO VỚI NĂM TRƯỚC.**

Trong năm 2017, tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt khoảng 425 tỷ Đô la Mỹ. Trong đó, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tăng mạnh 21,1% so với năm 2016 và đạt 214 tỷ Đô la Mỹ, cao hơn mức tăng của kim ngạch hàng hóa nhập khẩu (20,8%). Theo Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), xuất khẩu tăng lên thể hiện được xu hướng tích cực cho nền kinh tế Việt Nam năm 2017 và tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế bền vững trong tương lai.

Một trong những rủi ro chính trong ngành dầu thực vật là sự biến động của giá nguyên vật liệu. Điều này phần nào ảnh hưởng đến lợi nhuận của Vocarimex. Trong vòng sáu tháng cuối năm 2017, giá nguyên vật liệu tăng 6,0% so với thời điểm đầu năm. Ngoài ra, vào tháng 05/2017, mức thuế tự vệ đối với mặt hàng dầu thực vật trở về 0% và điều này đã đưa vị thế cạnh tranh của Vocarimex trong việc nhập khẩu nguyên liệu dầu thô ngang bằng với các đối thủ khác.

Nhằm giảm thiểu sự ảnh hưởng của giá dầu biến động, Vocarimex đã thay đổi chiến lược tập trung từ nhà cung cấp nguyên vật liệu thô sang nhà cung cấp các sản phẩm dầu sản xuất theo yêu cầu của



khách hàng nhằm hướng đến khối khách hàng công nghiệp, có nhu cầu đa dạng trong công thức chế biến dầu để sản xuất thành phẩm. Ở Việt Nam, phân khúc này tăng trưởng mạnh 81% so với năm trước thông qua việc Công ty đẩy mạnh đầu tư và mở rộng ở mảng này, và đây sẽ là cơ sở cho sự phát triển của chúng tôi trong tương lai.

Cung cấp nguyên liệu dầu thô vẫn tiếp tục chiếm phần lớn trong hoạt động kinh doanh của Vocarimex và điều này sẽ giúp chúng tôi có được lợi thế cạnh tranh về số lượng dầu nhập khẩu ở mức giá tốt và hiệu quả hơn ở khâu vận chuyển, lưu trữ và xử lý dầu. Do đó, Vocarimex sẽ tối ưu hóa được chi phí hoạt động cho từng đơn vị sản phẩm so với các đối thủ cạnh tranh nhờ vào quy mô cơ sở vật chất cũng như sản lượng lớn. Tận dụng được lợi thế này, chiến lược của Vocarimex sắp tới sẽ tập trung vào kênh khách hàng công nghiệp có giá trị cao hơn nhờ vào việc sản xuất chuyên biệt dòng sản phẩm cho từng đối tượng khách hàng và ưu thế là giá thành của Công ty sẽ cạnh tranh hơn.



## MÔI TRƯỜNG KINH DOANH (tiếp theo)

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA VOCARIMEX NĂM 2017

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Doanh thu (Triệu đồng)	Lợi nhuận (Triệu đồng)
1	Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật (VMPACK)	51,05%	161.566	(39.301)
2	Công ty TNHH Trích ly Dầu thực vật (VOE)	100,00%	Sáp nhập cả hai Công ty vào năm 2017	
3	Công ty TNHH Thương mại Dầu thực vật (VOT)	100,00%		
4	Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	26,54%	4.337.773	166.145
5	Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	24,00%	14.281.397	986.626
6	Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	49,00%	1.390.024	(11.308)
7	Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina	40,00%	1.018.773	60.414
8	Công ty TNHH Dầu thực vật Khu vực miền Bắc Việt Nam	30,00%	Hoàn tất chuyển nhượng năm 2017	



### THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

**121.800.000** cổ phiếu

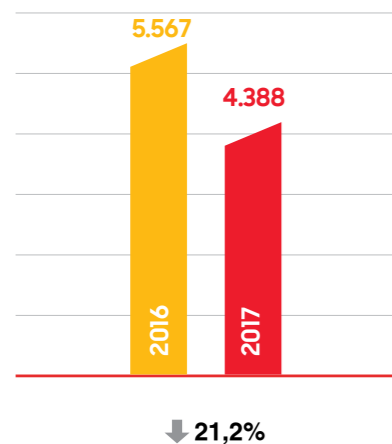
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

**121.800.000** cổ phiếu

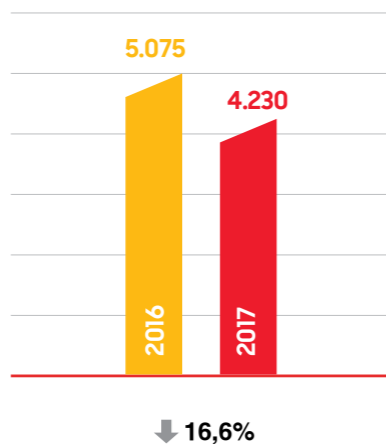
STT	Nội dung	Tại thời điểm 31/12/2017	
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>121.800.000</b>	<b>100%</b>
II	Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	121.800.000	100%
	Vốn Nhà nước	44.211.900	36,3%
	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	62.118.000	51,0%
	Cổ đông trong nước khác	15.470.100	12,7%
	Cổ đông nước ngoài	0	-
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>-</b>

# CÁC ĐIỂM TÀI CHÍNH NỔI BẬT

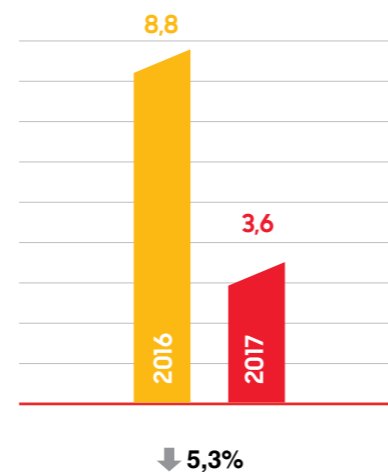
**DOANH THU THUẦN**  
(TỶ VNĐ)



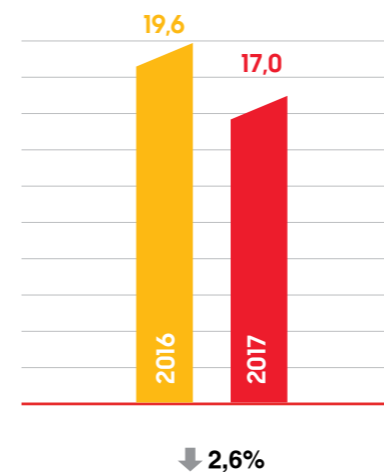
**GIÁ VỐN HÀNG BÁN**  
(TỶ VNĐ)



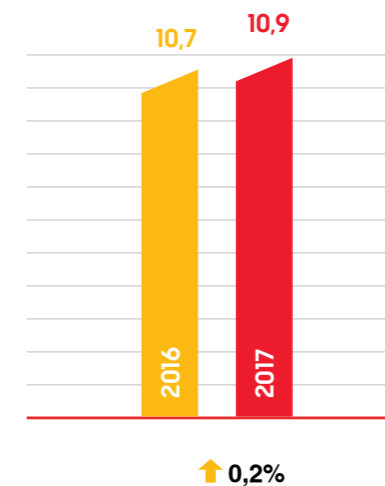
**BIÊN LỢI NHUẬN GỘP**  
(%)



**LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRÊN VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
(%)



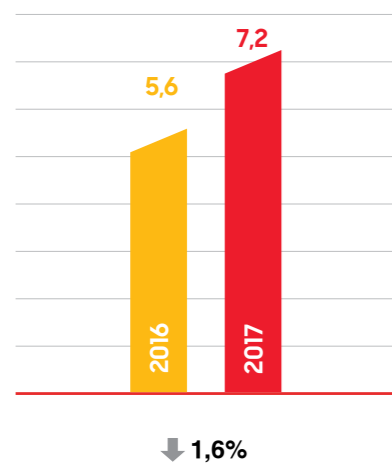
**LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRÊN TỔNG TÀI SẢN**  
(%)



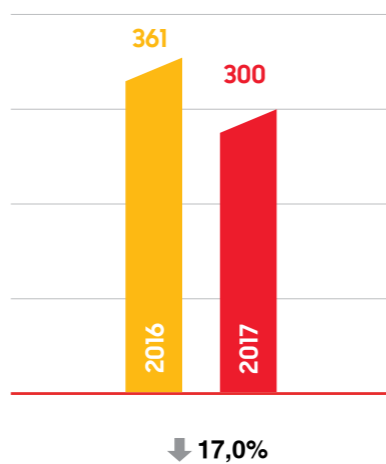
**4.388**  
(TỶ VNĐ)  
DOANH THU THUẦN

**300**  
(TỶ VNĐ)  
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

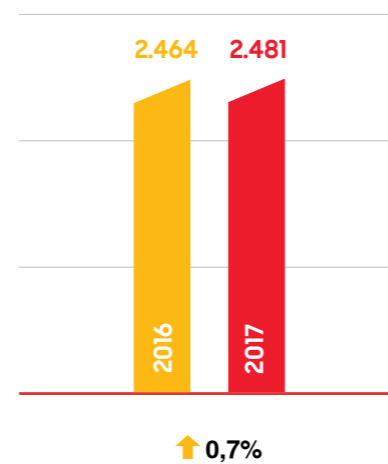
**BIÊN LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY MẸ**  
(%)



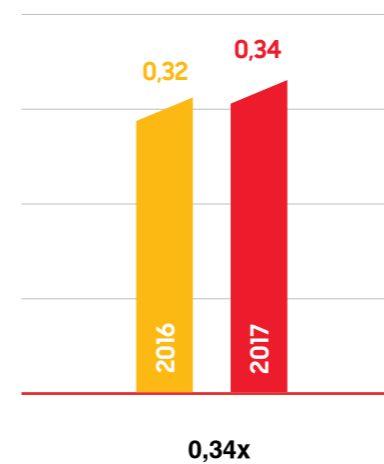
**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**  
(TỶ VNĐ)



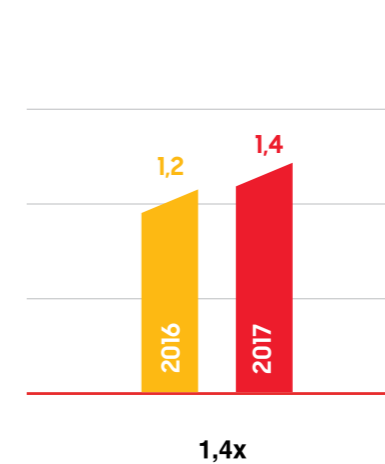
**THU NHẬP TRÊN MỖI CỔ PHẦN**  
(VNĐ)



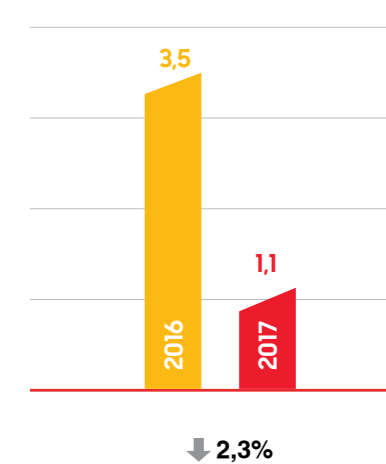
**HỆ SỐ NỢ TRÊN VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
(x)



**HỆ SỐ KHẢ NĂNG THANH TOÁN NỢ NGẮN HẠN**  
(x)



**BIÊN LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, LÃI VAY VÀ KHẤU HAO**  
(%)



## HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

### DOANH THU THUẦN

**4.388** TỶ VNĐ 

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2017 giảm 21,2% so với năm trước và đạt 4.388 tỷ đồng do Công ty không còn hợp nhất Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An (TAC). Doanh thu thuần riêng của Công đạt 4.289 tỷ đồng. Trong năm 2017, Vocarimex đã tái cơ cấu mô hình kinh doanh và tập trung vào ba mảng chính: Cung cấp nguyên vật liệu, Khai thác kênh khách hàng công nghiệp và Xuất khẩu. Cụ thể, doanh thu từ việc cung cấp nguyên

liệu tăng 1% tương ứng với giá trị trung bình của thị trường là 3.368 tỷ đồng, trong khi đó, kênh khách hàng công nghiệp tăng trưởng 52,6% cùng với sự mở rộng đối tác khách hàng mới trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sữa, bánh kẹo, dược phẩm và mỹ phẩm. Doanh thu thuần từ kênh xuất khẩu cũng tăng 14,9% và Vocarimex đã thâm nhập được vào các thị trường mới như New Zealand, Myanmar và Indonesia.

### GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ BIÊN LỢI NHUẬN GỘP

**157** TỶ VNĐ 

Giá vốn hàng bán giảm 16,6% trong năm 2017 thấp hơn mức giảm ở doanh thu thuần và chủ yếu là do việc không còn hợp nhất TAC. Trong năm, giá nguyên vật liệu tăng 13,96% đã ảnh hưởng biên lợi nhuận gộp năm 2017 so với năm 2016, lần lượt là 3,6% và 8,8%. Việc mở rộng đầu

tu vào kênh khách hàng công nghiệp và xuất khẩu đã bù đắp phần nào sự sụt giảm ở biên lợi nhuận; tuy nhiên, hiện tại vẫn còn đang trong giai đoạn mở rộng thị trường và cần thêm sự đầu tư trong vòng vài năm tới nhằm tối đa được khả năng gia tăng mức biên lợi nhuận.

### CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

**147** TỶ VNĐ 

Chi phí hoạt động trong năm 2017 giảm mạnh 59,0% so với năm trước do không còn hợp nhất một số công ty con. Chi phí hoạt động của Công ty riêng là 122 tỷ đồng; trong đó, chi phí bán hàng vẫn chiếm phần lớn nhất. Các hoạt động quảng cáo, marketing và bán hàng có sự thay đổi mạnh mẽ do Công ty chuyển

hướng tập trung cho kênh khách hàng công nghiệp và xuất khẩu. Ngoài ra, tỷ lệ chi phí kho vận trên doanh thu thuần cũng sẽ được cải thiện. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ đạt được hiệu quả cao trong năm 2018 và 2019 vì kênh khách hàng công nghiệp và xuất khẩu đang trên đà tiếp tục tăng trưởng.

### TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI TIỀN

**153** TỶ VNĐ 

Năm 2017 được xem là năm tái cấu trúc các khoản đầu tư khi Vocarimex thoái vốn hai Công ty là Công ty TNHH Dầu thực vật Khu vực miền Bắc Việt Nam và Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An. Ngoài ra, Công ty áp dụng các chính sách quản lý vốn lưu động nhằm cải thiện dòng tiền bao gồm quản lý tốt vòng quay hàng tồn kho, các khoản phải thu và hiệu quả

trong chi phí kho vận. Sự mở rộng khối khách hàng công nghiệp dẫn đến việc tăng lên các khoản phải thu; Tuy nhiên, Vocarimex luôn duy trì các chính sách quản lý việc thu nợ chặt chẽ nhằm đánh giá được khả năng thanh toán của khách hàng. Vòng quay tiền mặt của Công ty hợp nhất giảm 2 ngày trong năm 2017 so với năm 2016.

### TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

**459** TỶ VNĐ 

Trong năm 2017, nhà máy mới ở Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật (VMPACK), công ty con của Vocarimex được đưa vào hoạt động. Do đó, tài sản cố định ròng của Công ty tại thời điểm

ngày 31 tháng 12 năm 2017 tăng 177 tỷ đồng và đạt mức khoảng 460 tỷ đồng chủ yếu do sự chuyển đổi mục kế toán của nhà máy nói trên từ Tài sản dở dang dài hạn sang Tài sản cố định hữu hình.

### CÁC KHOẢN VAY

**659** TỶ VNĐ 

Tại thời điểm ngày 31/12/2017, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tăng khoảng 88 tỷ đồng lên 659 tỷ đồng so với thời điểm tại ngày 31/12/2016. Khoản vay này là để đầu tư xây dựng cho nhà máy của VMPACK tại Khu công

nghiệp Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Nợ thuần hợp nhất của Vocarimex đạt 506 tỷ đồng trong năm 2017 so với 427 tỷ đồng năm 2016. Tỷ lệ nợ vay trên vốn chủ sở hữu giảm từ 0,57 năm 2016 xuống 0,55 năm 2017.

### VỐN CHỦ SỞ HỮU

**1.954** TỶ VNĐ 

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2017 đạt 1.954 tỷ đồng tăng khoảng 158 tỷ đồng nhờ vào lợi nhuận trong năm. Trong năm 2017, Vocarimex đã chi trả cổ tức và trích lập

Quý khen thưởng và phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được chấp thuận năm trước.



Bản chất của giá nguyên liệu toàn cầu là luôn có sự biến động. Tác động này có thể là tích cực hoặc tiêu cực đối với lợi nhuận và biên lợi nhuận của Vocarimex. Để giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn này, chúng tôi luôn theo dõi sự biến động của giá nguyên liệu thế giới và nhu cầu sử dụng nguyên liệu để có kế hoạch mua nguyên liệu thích hợp. Mục tiêu của chúng tôi là có được sự thỏa thuận từ phía khách hàng sớm và để thống nhất được kế hoạch mua nguyên liệu rõ ràng với nhà cung cấp kịp thời nhằm giảm áp lực lên biên lợi nhuận của chúng tôi trong trường hợp giá nguyên liệu tăng.

Một trong những rủi ro chính khác là sự biến động của tỷ giá chuyển đổi Đô la Mỹ/Việt Nam đồng đã có ảnh hưởng lớn lên giá vốn hàng bán và chi phí tài chính của chúng tôi. Ngoài ra, do cơ cấu vốn hiện tại, việc tăng lãi suất từ 5% lên 7% dẫn đến chi phí tài chính của Công ty cũng tăng theo. Nhằm giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động và thời gian đáo hạn nợ để đảm bảo rằng chúng tôi có đủ số dư tiền mặt để thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp. Chúng tôi cũng hợp tác chặt chẽ với các nhà cung cấp để đưa ra phương pháp giảm rủi ro khi giao dịch nhằm hạn chế sự ảnh hưởng của việc biến động của tỷ giá hối đoái lên lợi nhuận của chúng tôi.

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH**

HĐQT giám sát chặt chẽ việc quản lý thông qua báo cáo hàng quý do Ban Điều hành cung cấp trong các cuộc họp quý.

**CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

STT	Số Nghị quyết	Số Biên bản họp	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	01/BB-HĐQT	04/05/2017	Nghị quyết thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.
2	02/NQ-HĐQT	02/BB-HĐQT	09/05/2017	Nghị quyết thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
3	03/NQ-HĐQT	03/BB-HĐQT	03/07/2017	Nghị quyết thông qua vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam với hạn mức 1.000 tỷ đồng.
4	05/NQ-HĐQT	05/BB-HĐQT	14/08/2017	Nghị quyết thông qua việc đầu tư vốn tại Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina.
5	06/NQ-HĐQT	06/BB-HĐQT	15/08/2017	Nghị quyết chốt danh sách chi trả cổ tức năm 2016.
6		06a/BB-HĐQT	04/09/2017	Nghị quyết thông qua việc thành lập chi nhánh của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – CTCP.
7	07/NQ-HĐQT	07/BB-HĐQT	15/09/2017	Nghị quyết thông qua vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với hạn mức 1.000 tỷ đồng.
8	08/NQ-HĐQT	08/BB-HĐQT	05/12/2017	Nghị quyết thông qua việc thanh lý xe hơi Toyota.
9	09/NQ-HĐQT	09/BB-HĐQT	22/12/2017	Nghị quyết thông qua vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam với hạn mức 500 tỷ đồng.
10	01/QĐ-HĐQT		14/03/2017	Quyết định cử Tổng Giám đốc tham dự hội nghị tại Bangkok.
11	02/HDQT-QĐ		24/05/2017	Quyết định cử Tổng Giám đốc công tác thị trường ở Myanmar.
12	03/HDQT-QĐ		04/09/2017	Quyết định thành lập chi nhánh của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP.
13	04/HDQT-QĐ		04/09/2017	Quyết định bổ nhiệm Trưởng chi nhánh.

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**





## CÔNG TY

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) Công ty Cổ phần số 0300585984 ngày 31 tháng 12 năm 2014, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật.

Tổng Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai (2) chi nhánh đặt tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và số 8 Đường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông <b>Trần Kim Thành</b>	Chủ tịch
Ông <b>Trần Lệ Nguyên</b>	Thành viên
Ông <b>Nguyễn Hùng Cường</b>	Thành viên
Ông <b>Đình Quốc Hưng</b>	Thành viên
Bà <b>Nguyễn Thị Xuân Liễu</b>	Thành viên

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà <b>Nguyễn Thị Trang</b>	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Bà <b>Huỳnh Ngọc Nữ Phương Nga</b>	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Bà <b>Trần Thị Hồng Linh</b>	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Bà <b>Lê Nguyễn Thị Mai Ngân</b>	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Ông <b>Vân Tích Vinh</b>	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Bà <b>Nguyễn Thị Oanh</b>	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà <b>Nguyễn Thị Xuân Liễu</b>	Tổng Giám đốc	
Ông <b>Nguyễn Hùng Cường</b>	Phó Tổng Giám đốc	
Ông <b>Đình Quốc Hưng</b>	Phó Tổng Giám đốc	
Ông <b>Dương Anh Tuấn</b>	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2017

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



**Nguyễn Thị Xuân Liễu**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 3 năm 2018

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 25 tháng 2 năm 2017.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



**Hàng Nhật Quang**

Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 3 năm 2018

**Lương Kim Diên An**

Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2736-2014-004-1



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-DN/HN

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.261.075.399.781</b>	<b>1.030.064.517.351</b>
110	<i>I. Tiền</i>	4	153.060.882.409	143.580.153.038
111	1. Tiền		153.060.882.409	143.580.153.038
120	<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>		290.955.873.731	149.005.834.641
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.1	290.955.873.731	149.005.834.641
130	<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>		442.561.480.564	339.343.231.880
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	439.452.036.837	337.244.619.428
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	458.359.882	1.402.586.785
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	7.293.395.838	5.679.994.519
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(5.228.110.651)	(5.693.937.673)
139	5. Tài sản thừa chờ xử lý		585.798.658	709.968.821
140	<i>IV. Hàng tồn kho</i>	6	328.256.126.336	356.747.039.794
141	1. Hàng tồn kho		329.454.317.442	357.384.200.913
149	2. 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.198.191.106)	(637.161.119)
150	<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>		46.241.036.741	41.388.257.998
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	1.086.149.577	2.571.925.232
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		29.555.646.927	22.070.772.599
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	15.599.240.237	16.745.560.167

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.776.295.279.854</b>	<b>1.786.347.672.863</b>
210	<i>I. Phải thu dài hạn</i>		265.000.000	265.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		265.000.000	265.000.000
220	<i>II. Tài sản cố định</i>		459.393.244.767	283.382.464.199
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	452.519.740.792	276.285.986.612
222	Nguyên giá		773.318.699.380	579.035.635.961
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(320.798.958.588)	(302.749.649.349)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	6.873.503.975	7.096.477.587
228	Nguyên giá		12.631.513.750	12.631.513.750
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.758.009.775)	(5.535.036.163)
230	<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	10	5.370.446.842	5.771.220.512
231	1. Nguyên giá		11.797.057.729	13.541.739.732
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.426.610.887)	(7.770.519.220)
240	<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>		1.712.553.500	210.157.481.999
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.712.553.500	210.157.481.999
250	<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>		1.263.274.495.500	1.226.653.223.882
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12.2	1.239.717.944.723	1.226.653.223.882
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.3	23.556.550.777	-
260	<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>		46.279.539.245	60.118.282.271
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	46.279.539.245	57.928.571.367
269	2. Lợi thế thương mại		-	2.189.710.904
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.037.370.679.635</b>	<b>2.816.412.190.214</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-DN/HN

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.083.275.080.327</b>	<b>1.020.578.962.128</b>
310	I. Nợ ngắn hạn		925.534.798.244	861.908.021.081
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	262.128.463.135	347.654.716.825
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	22.606.020.241	10.063.129.753
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	495.372.911	2.308.035.969
314	4. Phải trả người lao động		7.786.366.000	7.084.360.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.163.867.579	5.620.276.475
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.582.819.464	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	115.180.450.500	68.768.172.833
320	8. Vay ngắn hạn	18	502.723.027.995	412.845.978.946
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	8.868.410.419	7.563.350.280
330	II. Nợ dài hạn		157.740.282.083	158.670.941.047
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	317.250.000	497.827.000
338	2. Vay và nợ dài hạn	18	156.730.649.694	158.173.114.047
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	692.382.389	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.954.095.599.308</b>	<b>1.795.833.228.086</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.954.095.599.308	1.795.833.228.086
411	1. Vốn cổ phần	20.1	1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	20.1	787.114.305	787.114.305
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	20.1	27.383.219.523	5.100.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	649.226.216.554	493.912.463.834
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		147.836.917.871	350.394.289.673
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		298.831.926.881	346.075.545.963
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	20.5	58.699.048.926	78.033.649.947
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.037.270.679.695</b>	<b>2.816.412.190.214</b>

*px*

**Nguyễn Phương Minh**  
Người lập

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

*ms*

**Hồ Minh Sơn**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Xuân Liễu**  
Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

B02-DN/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	4.389.176.068.111	5.571.510.280.429
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(1.594.582.443)	(4.277.674.220)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	4.387.581.485.668	5.567.232.606.209
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(4.230.414.503.137)	(5.074.848.073.444)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		157.166.982.531	492.384.532.765
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	151.706.216.962	223.942.052.011
22	7. Chi phí tài chính	23	(39.087.065.472)	(91.781.213.594)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(37.837.046.960)	(41.555.392.474)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	12.2	172.511.452.045	93.053.531.055
25	9. Chi phí bán hàng	24	(74.908.619.199)	(240.652.957.217)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(72.108.448.593)	(117.868.270.316)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		295.280.518.274	359.077.674.704
31	12. Thu nhập khác	26	5.297.894.353	2.680.169.089
32	13. Chi phí khác	26	(706.674.793)	(343.186.640)
40	14. Lợi nhuận khác	26	4.591.219.560	2.336.982.449
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		299.871.737.834	361.414.657.153
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(347.428.564)	(14.151.797.797)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(692.382.389)	(1.187.313.393)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		298.831.926.881	346.075.545.963
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		318.084.612.343	313.936.344.612
62	20. (Lỗ) lãi thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(19.252.685.462)	32.139.201.351
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	2.481	2.464
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	2.481	2.464

*px*

**Nguyễn Phương Minh**  
Người lập

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

*ms*

**Hồ Minh Sơn**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Xuân Liễu**  
Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B03-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>299.871.737.834</b>	<b>361.414.657.153</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9, 10	39.931.155.365	60.170.893.179
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		95.202.965	(6.283.001.019)
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(18.184.233)	131.721.599
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(316.422.248.767)	(318.101.609.797)
06	Chi phí lãi vay	23	37.837.046.960	41.555.392.474
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>61.294.710.124</b>	<b>138.888.053.589</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(100.440.810.655)	33.793.618.672
10	Giảm hàng tồn kho		27.929.883.471	203.237.703.376
11	Giảm các khoản phải trả		(38.190.806.770)	(268.596.452.087)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		8.132.597.489	(7.727.062.041)
14	Tiền lãi vay đã trả		(37.856.157.659)	(41.989.326.887)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(53.999.401)	(14.161.741.653)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	19	(12.462.285.232)	(11.148.018.866)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(91.646.868.633)</b>	<b>32.296.774.103</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(21.144.590.294)	(32.051.241.864)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		24.636.585.660	20.909.091
23	Tiền chi mua trái phiếu và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(209.150.039.090)	(330.005.834.641)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		67.200.000.000	436.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư vào góp vốn đơn vị khác		(7.200.000.000)	15.217.508.927
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		181.600.000.000	(139.050.993.915)
27	Lãi tiền gửi và cổ tức nhận được		98.590.853.168	250.776.629.862
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>134.532.809.444</b>	<b>200.906.977.460</b>

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	Tiền vay nhận được	18	2.678.928.160.288	4.096.126.228.053
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(2.590.463.042.925)	(4.387.117.624.907)
36	Cổ tức đã trả	20.2	(121.800.000.000)	(11.309.877.900)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(33.334.882.637)</b>	<b>(302.301.274.754)</b>
<b>50</b>	<b>Tăng (giảm) tiền thuần trong năm</b>		<b>9.551.058.174</b>	<b>(69.097.523.191)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>143.580.153.038</b>	<b>212.671.695.457</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(70.328.803)	5.980.772
70	Tiền cuối năm	4	153.060.882.409	143.580.153.038

**Nguyễn Phương Minh**  
Người lập

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

**Hồ Minh Sơn**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Xuân Liễu**  
Tổng Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“VOC” hoặc “Tổng Công ty”), một công ty con và các công ty liên kết như sau:

#### Công ty

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) Công ty Cổ phần số 0300585984 ngày 31 tháng 12 năm 2014, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai (2) chi nhánh đặt tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và số 8 Đường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 362 (31 tháng 12 năm 2016: 593).

#### Công ty con

##### Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật (“VPK”)

Tổng Công ty sở hữu 51,05% vốn chủ sở hữu trong VPK, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001186 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 10 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của VPK là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì. VPK có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Lô 6-12 Khu Công nghiệp Tân Thới Hiệp, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### Các công ty liên kết

##### Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân (“Calofic”)

Tổng Công ty sở hữu 24% vốn chủ sở hữu trong Calofic, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư (“GCNĐT”) số 2148108377 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Quảng Ninh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐT điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Calofic là sản xuất và chế biến dầu thực vật và các sản phẩm phụ liên quan. Calofic có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Cái Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

##### Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An (“TAC”)

Tổng Công ty sở hữu 26,54% vốn chủ sở hữu trong TAC, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103002698 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của TAC là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật. TAC có trụ sở đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

##### Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina (“LG Vina”)

Tổng Công ty sở hữu 40% vốn chủ sở hữu trong LG Vina, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600254869 do SKHĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22 tháng 10 năm 1997 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của LG Vina là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mỹ phẩm. LG Vina có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

##### Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè (“Golden Hope”)

Tổng Công ty sở hữu 49% vốn chủ sở hữu trong Golden Hope, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300832672 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 9 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Golden Hope là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật. Golden Hope có trụ sở đăng ký tại số 370 Gò Ô Môi, Khu phố 2, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

#### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 2. CO SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

#### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND.

#### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Tổng Công ty (“công ty mẹ”) và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |  |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa.                         | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền   |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm. | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được phân bổ.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 46 năm
Máy móc thiết bị	5 - 25 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	5 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	10 - 46 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm

#### 3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	16 năm
------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

#### 3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán nhu chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa nhu theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.10 Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh là giá trị được tạo ra từ hoạt động của một Tổng Công ty Nhà nước kể từ ngày thành lập cho đến ngày thực hiện định giá và cổ phần hóa, được xác định theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ("Thông tư 127") của Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014. Giá trị lợi thế kinh doanh đã được đánh giá lại trong năm 2015 theo Biên bản Quyết toán cổ phần hóa ngày 22 tháng 12 năm 2015. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

##### *Chi phí thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của số tiền mà Tập đoàn trả trước cho việc thuê đất tại Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam trong thời hạn 45 năm. Khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư 45.

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấu trúc với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc năm tài chính được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong

năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tập đoàn và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

### 4. TIỀN

	VND	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền mặt	155.653.446	294.867.952
Tiền gửi ngân hàng	152.905.228.963	143.285.285.086
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>153.060.882.409</b>	<b>143.580.153.038</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>439.452.036.837</b>	<b>337.244.619.428</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>		
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>	<i>20.323.280.757</i>	<i>9.435.035.673</i>
<i>Công ty TNHH Container Sài Gòn</i>	<i>7.579.731.003</i>	<i>3.581.456.393</i>
<i>Công ty Cổ phần Thực phẩm Á Châu</i>	<i>5.741.617.200</i>	<i>-</i>
<i>Công ty Cổ phần Dầu thực vật Thủ Đức</i>	<i>4.252.232.000</i>	<i>4.252.232.000</i>
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>35.912.268.033</i>	<i>30.255.323.217</i>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>458.359.882</b>	<b>1.402.586.785</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>7.293.395.838</b>	<b>5.679.994.519</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lãi tiền gửi</i>	<i>3.643.362.776</i>	<i>2.115.922.397</i>
<i>Bảo hiểm bồi thường</i>	<i>146.699.304</i>	<i>1.553.726.666</i>
<i>Khác</i>	<i>3.503.333.758</i>	<i>2.010.345.456</i>
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(5.228.110.651)</b>	<b>(5.693.937.673)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>441.975.681.906</b>	<b>338.633.263.059</b>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.693.937.673	5.642.232.000
Dự phòng trích lập trong năm	153.458.675	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	294.784.689
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(619.285.697)	(243.079.016)
Số cuối năm	5.228.110.651	5.693.937.673

### 6. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	243.990.149.469	31.971.271.830
Thành phẩm	45.997.576.171	66.372.183.612
Nguyên vật liệu	33.303.794.550	250.922.510.484
Công cụ, dụng cụ	3.832.178.769	5.132.165.619
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.330.618.483	2.986.069.368
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>329.454.317.442</b>	<b>357.384.200.913</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.198.191.106)	(637.161.119)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>328.256.126.336</b>	<b>356.747.039.794</b>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	637.161.119	12.564.283.711
Dự phòng trích lập trong năm	687.093.730	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(126.063.743)	(1.792.171.760)
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	(10.134.950.832)
Số cuối năm	1.198.191.106	637.161.119

### 7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.086.149.577</b>	<b>2.571.925.232</b>
Công cụ và dụng cụ	239.291.575	408.924.809
Chi phí tài trợ quảng cáo	-	624.999.999
Khác	846.858.002	1.538.000.424
<b>Dài hạn</b>	<b>46.279.539.245</b>	<b>57.928.571.367</b>
Tiền thuê đất trả trước	30.842.393.812	32.008.111.840
Lợi thế kinh doanh	13.756.078.297	20.463.587.545
Khác	1.681.067.136	5.456.871.982
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>47.365.688.822</b>	<b>60.500.496.599</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
VND						
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	193.518.985.298	367.988.047.640	10.879.226.213	4.788.961.560	1.860.415.250	579.035.635.961
Mua mới	-	661.960.000	366.841.818	-	-	1.028.801.818
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	72.619.574.540	126.340.039.680	2.470.949.209	-	17.740.091.147	219.170.654.576
Phân loại lại	1.744.682.003	-	-	-	-	1.744.682.003
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	(1.883.977.598)	(153.661.398)	-	(2.037.638.996)
Thanh lý trong năm	-	(24.375.094.949)	(992.061.033)	(256.280.000)	-	(25.623.435.982)
Số cuối năm	267.883.241.841	470.614.952.371	10.840.978.609	4.379.020.162	19.600.506.397	773.318.699.380
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>24.759.093.124</i>	<i>54.974.046.512</i>	<i>8.557.579.997</i>	<i>3.036.577.625</i>	<i>674.955.402</i>	<i>92.002.252.660</i>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số đầu năm	(72.865.595.456)	(215.734.195.748)	(9.712.024.678)	(3.570.276.638)	(867.556.829)	(302.749.649.349)
Khấu hao trong năm	(7.820.293.732)	(29.974.415.184)	(477.625.499)	(273.319.703)	(761.753.965)	(39.307.408.083)
Phân loại lại	(1.744.682.003)	-	-	-	-	(1.744.682.003)
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	1.883.977.598	153.661.398	-	2.037.638.996
Thanh lý trong năm	-	19.729.497.613	992.061.033	243.583.205	-	20.965.141.851
Số cuối năm	(82.430.571.191)	(225.979.113.319)	(7.313.611.546)	(3.446.351.738)	(1.629.310.794)	(320.798.958.588)
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	120.653.389.842	152.253.851.892	1.167.201.535	1.218.684.922	992.858.421	276.285.986.612
Số cuối năm	185.452.670.650	244.635.839.052	3.527.367.063	932.668.424	17.971.195.603	452.519.740.792

Tập đoàn đã sử dụng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị với giá trị còn lại tương ứng là 263.423.567.998 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Chi tiết được thể hiện tại Thuyết minh số 18.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	9.747.217.260	2.884.296.490	12.631.513.750
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	2.884.296.490	2.884.296.490
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	(2.650.739.673)	(2.884.296.490)	(5.535.036.163)
Hao mòn trong năm	(222.973.612)	-	(222.973.612)
Số cuối năm	(2.873.713.285)	(2.884.296.490)	(5.758.009.775)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	7.096.477.587	-	7.096.477.587
Số cuối năm	6.873.503.975	-	6.873.503.975

Tập đoàn đã sử dụng quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 5.605.685.948 VND để làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng. Chi tiết được thể hiện tại Thuyết minh số 18.

### 10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	13.541.739.732
Phân loại lại	(1.744.682.003)
Số cuối năm	11.797.057.729
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	(7.770.519.220)
Khấu hao trong năm	(400.773.670)
Phân loại lại	1.744.682.003
Số cuối năm	(6.426.610.887)
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	5.771.220.512
Số cuối năm	5.370.446.842

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	VND	VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phát triển phần mềm	1.712.553.500	1.712.553.500
Xây dựng nhà máy	-	204.470.813.499
Lắp đặt máy móc	-	3.974.115.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.712.553.500</b>	<b>210.157.481.999</b>

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### 12.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền gửi có kỳ hạn (*)</b>	<b>190.955.873.731</b>	<b>149.005.834.641</b>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	190.955.873.731	81.805.834.641
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	17.200.000.000
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>	<b>100.000.000.000</b>	-
Trái phiếu – Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (**)	100.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>290.955.873.731</b>	<b>149.005.834.641</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm và có lãi suất 7,1%/năm.

(\*\*) Các trái phiếu có kỳ hạn gốc mười hai tháng và hưởng lãi suất 9,5%/năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 12.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Calofic	TAC	LG Vina	Golden Hope	Nortalic	Nakydaco	VND Tổng cộng
<b>Giá trị đầu tư</b>							
Số đầu năm	572.600.582.675	239.039.471.837	71.321.827.562	47.192.438.524	151.200.000.000	21.646.946.823	1.103.001.267.421
Tăng trong năm	-	-	7.200.000.000	-	-	-	7.200.000.000
Thanh lý	-	-	-	-	(151.200.000.000)	-	(151.200.000.000)
Phân loại lại	-	-	-	-	-	(21.646.946.823)	(21.646.946.823)
Khác	-	11.784.077.836	-	-	-	-	11.784.077.836
Số cuối năm	572.600.582.675	250.823.549.673	78.521.827.562	47.192.438.524	-	-	949.138.398.434
<b>Phần lụy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua các công ty liên kết</b>							
Số đầu năm	141.275.684.634	221.402.727	24.487.860.838	(47.192.438.524)	3.674.258.263	1.185.188.523	123.651.956.461
Phần lợi nhuận (lỗ) trong năm	152.937.103.200	23.380.288.334	(4.530.354.920)	-	-	724.415.431	172.511.452.045
Thanh lý	-	-	-	-	(3.674.258.263)	-	(3.674.258.263)
Phân loại lại	-	-	-	-	-	(1.909.603.954)	(1.909.603.954)
Số cuối năm	294.212.787.834	23.601.691.061	19.957.505.918	(47.192.438.524)	-	-	290.579.546.289
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số đầu năm	713.876.267.309	239.260.874.564	95.809.688.400	-	154.874.258.263	22.832.135.346	1.226.653.223.882
Số cuối năm	866.813.370.509	274.425.240.734	98.479.333.480	-	-	-	1.239.717.944.723

#### 12.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Số dư cuối kỳ thể hiện giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tân Bình (“Nakydaco”) do Tổng Công ty không còn ảnh hưởng đáng kể đối với Nakydaco kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2017.

Nakydaco được cổ phần hóa theo Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) Công ty Cổ phần số 0303587122 ngày 10 tháng 12 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật. Nakydaco có trụ sở đăng ký tại số 899 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	2.172.990.931	54.997.931
Denali Trading Pte Ltd	185.023.972.474	153.126.359.143
Wilmar Trading Pte Ltd	40.988.081.894	145.891.074.722
Công ty TNHH Giấy Vina Kraft	8.670.269.685	9.185.065.175
Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường	2.812.288.765	2.138.613.125
Khác	22.460.859.386	37.258.606.729
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>262.128.463.135</b>	<b>347.654.716.825</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Veng Seng	944.166.388	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Phú Cường	313.474.150	313.474.150
Công ty Cổ phần Huy Mai	210.242.550	1.790.868.400
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Naeng Pov	-	1.004.355.300
Khác	1.138.137.153	6.954.431.903
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.606.020.241</b>	<b>10.063.129.753</b>

### 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.892.669.400)	347.428.564	(53.999.401)	(15.599.240.237)
Thuế giá trị gia tăng	1.066.185.869	781.600.697.418	(782.666.883.287)	-
Thuế thu nhập cá nhân	712.413.862	3.908.280.105	(4.212.821.696)	407.872.271
Tiền thuê đất	529.436.238	689.334.397	(1.131.269.995)	87.500.640
Thuế khác	(852.890.767)	22.647.618.130	(21.794.727.363)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(14.437.524.198)</b>	<b>809.193.358.614</b>	<b>(809.859.701.742)</b>	<b>(15.103.867.326)</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thuế nộp thừa</i>	<i>(16.745.560.167)</i>			<i>(15.599.240.237)</i>
<i>Thuế phải nộp</i>	<i>2.308.035.969</i>			<i>495.372.911</i>

### 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	863.673.882	-
Chi phí tiếp thị	774.555.113	1.814.610.623
Chi phí lãi vay	333.193.276	352.303.975
Chi phí phải trả khác	1.192.445.308	3.453.361.877
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.163.867.579</b>	<b>5.620.276.475</b>

### 17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>115.180.450.500</b>	<b>68.768.172.833</b>
Hợp đồng ngoại tệ có kỳ hạn	99.423.983.854	-
Phải trả cổ phần hóa	12.716.244.592	60.195.502.292
Hàng hóa tạm mượn	1.975.365.000	6.889.878.000
Khác	1.064.857.054	1.682.792.541
<b>Dài hạn</b>	<b>317.250.000</b>	<b>497.827.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	317.250.000	497.827.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>115.497.700.500</b>	<b>69.265.999.833</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>1.975.365.000</i>	<i>6.889.878.000</i>
<i>Bên khác</i>	<i>113.522.335.500</i>	<i>62.376.121.833</i>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 18. VAY VÀ NỢ

	Số đầu năm	Nhận tiền vay	Trả tiền vay	Phân loại lại	Đánh giá lại	Số cuối năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>412.845.978.946</b>	<b>2.667.358.998.288</b>	<b>(2.587.463.042.925)</b>	<b>9.981.093.686</b>	-	<b>502.723.027.995</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	407.862.511.820	2.667.358.998.288	(2.582.479.575.799)	-	-	492.741.934.309
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	4.983.467.126	-	(4.983.467.126)	9.981.093.686	-	9.981.093.686
<b>Dài hạn (Thuyết minh số 18.2)</b>	<b>158.173.114.047</b>	<b>11.569.162.000</b>	<b>(3.000.000.000)</b>	<b>(9.981.093.686)</b>	<b>(30.532.667)</b>	<b>156.730.649.694</b>
Vay ngân hàng	145.521.487.121	11.569.162.000	(3.000.000.000)	(9.000.000.000)	-	145.090.649.121
Nợ từ bên thứ ba	12.651.626.926	-	-	(981.093.686)	(30.532.667)	11.640.000.573
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>571.019.092.993</b>	<b>2.678.928.160.288</b>	<b>(2.590.463.042.925)</b>	<b>-</b>	<b>(30.532.667)</b>	<b>659.453.677.689</b>

VND

#### 18.1. Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Tập đoàn có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	312.110.020.306	Từ ngày 17 tháng 2 năm 2018 đến ngày 15 tháng 3 năm 2018	5,0 - 7,0	Tín chấp
	12.508.139.523	Từ ngày 14 tháng 8 năm 2018 đến ngày 11 tháng 12 năm 2018	7,0 – 8,0	Máy in sáu màu Sunrise với giá trị còn lại là 12.900.327.000 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	129.204.631.030	Từ ngày 5 tháng 2 năm 2018 đến ngày 7 tháng 3 năm 2018	3,0 - 5,0	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	38.919.143.450	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2018 đến ngày 12 tháng 12 năm 2018	7,0 – 7,6	Máy móc và thiết bị trị giá 41.291.058.680 VND; và quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 5.605.685.948 VND tại Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>492.741.934.309</b>			



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 18. VAY VÀ NỢ (tiếp theo)

#### 18.2 Các khoản vay và nợ dài hạn

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	154.090.649.121	Từ ngày 12 tháng 11 năm 2018 đến ngày 12 tháng 11 năm 2024	9,4	Máy móc, thiết bị và nhà xưởng với giá trị còn lại là 209.232.182.318 VND tại Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
<i>Trong đó:</i>				
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>9.000.000.000</i>			
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>145.090.649.121</i>			
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (*)	12.621.094.259	Từ ngày 12 tháng 5 năm 2018 đến ngày 12 tháng 5 năm 2028	-	Tín chấp
<i>Trong đó:</i>				
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>981.093.686</i>			
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>11.640.000.573</i>			

(\*) Tập đoàn có khoản vay tín chấp không lãi suất với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 liên quan đến khoản thuê đất để xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê đất số 115/1988/HDTD ngày 12 tháng 5 năm 1988. Tập đoàn dùng khu đất trên để góp vốn thành lập Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina. Ngoài ra, khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ vốn cho việc xây dựng dự án nhà máy sản xuất thùng giấy carton tại Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

### 19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số đầu năm	Trích lập quỹ	Sử dụng quỹ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.422.363.956	13.767.345.371	(12.462.285.232)	8.727.424.095
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	140.986.324	-	-	140.986.324
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.563.350.280</b>	<b>13.767.345.371</b>	<b>(12.462.285.232)</b>	<b>8.868.410.419</b>

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	1.218.000.000.000	(222.284.603.416)	424.644.557	196.810.129.054	1.192.950.170.195
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	313.936.344.612	313.936.344.612
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.100.000.000	(5.100.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.550.000.000)	(2.550.000.000)
Hợp nhất kinh doanh	-	(111.321.467)	-	(63.657.657.303)	(63.768.978.770)
Thoái vốn tại công ty con	-	223.183.039.188	-	58.417.403.772	281.600.442.960
Giảm khác	-	-	(424.644.557)	(3.943.756.301)	(4.368.400.858)
Số cuối năm	1.218.000.000.000	787.114.305	5.100.000.000	493.912.463.834	1.717.799.578.139
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	1.218.000.000.000	787.114.305	5.100.000.000	493.912.463.834	1.717.799.578.139
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	318.084.612.343	318.084.612.343
Cổ tức công bố	-	-	-	(121.800.000.000)	(121.800.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	27.285.429.811	(27.285.429.811)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.685.429.812)	(13.685.429.812)
Sử dụng quỹ	-	-	(5.002.210.288)	-	(5.002.210.288)
Số cuối năm	1.218.000.000.000	787.114.305	27.383.219.523	649.226.216.554	1.895.396.550.382

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

#### 20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố trong năm	121.800.000.000	11.309.877.900
Cổ tức đã trả trong năm	(121.800.000.000)	(11.309.877.900)

#### 20.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	121.800.000	1.218.000.000.000	121.800.000	1.218.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>121.800.000</i>	<i>1.218.000.000.000</i>	<i>121.800.000</i>	<i>1.218.000.000.000</i>

#### 20.4 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	318.084.612.343	313.936.344.612
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	(15.904.230.617)	(13.767.345.371)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>302.180.381.726</b>	<b>300.168.999.241</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	121.800.000	121.800.000
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản	2.481	2.464
- Lãi suy giảm	2.481	2.464

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14 tháng 6 năm 2017.

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã trừ khoản trích quỹ khen thưởng và phúc lợi được ước tính bằng 5% lợi nhuận để lại của năm 2017.

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và vào ngày kết thúc của báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 20.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	78.033.649.947	212.841.524.105
(Lỗ) lãi trong năm	(19.252.685.462)	32.139.201.351
Sử dụng quỹ	(81.915.559)	-
Cổ tức công bố	-	(11.309.877.900)
Hợp nhất kinh doanh	-	78.515.327.379
Thoái vốn tại công ty con	-	(234.152.524.988)
<b>Số cuối năm</b>	<b>58.699.048.926</b>	<b>78.033.649.947</b>

### 21. DOANH THU

#### 21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>4.389.176.068.111</b>	<b>5.571.510.280.429</b>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>3.211.489.802.242</i>	<i>1.958.683.058.388</i>
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>1.151.848.023.432</i>	<i>3.575.198.937.559</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>18.904.960.293</i>	<i>32.830.449.232</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>6.933.282.144</i>	<i>4.797.835.250</i>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>1.594.582.443</b>	<b>4.277.674.220</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>1.145.867.345</i>	<i>3.052.718.190</i>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>448.715.098</i>	<i>1.184.445.338</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>-</i>	<i>40.510.692</i>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>4.387.581.485.668</b>	<b>5.567.232.606.209</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan</i>	<i>3.331.385.035.098</i>	<i>1.589.015.247.865</i>
<i>Các bên khác</i>	<i>1.056.196.450.570</i>	<i>3.978.217.358.344</i>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia	85.549.759.785	124.949.504.976
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	26.725.741.737	60.325.508.946
Tiền lãi trong năm	19.815.781.762	22.711.992.369
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.755.527.536	6.781.011.447
Khác	11.859.406.142	9.174.034.273
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>151.706.216.962</b>	<b>223.942.052.011</b>

### 22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.091.782.275.797	1.800.723.819.931
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.128.217.778.760	3.252.995.755.285
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.741.802.014	17.140.520.013
Giá vốn khác	7.672.646.566	3.987.978.215
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.230.414.503.137</b>	<b>5.074.848.073.444</b>

### 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	37.837.046.960	41.555.392.474
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.241.824.270	2.614.841.821
Chi phí lãi phải trả về cổ phần hóa	-	47.479.257.700
Khác	8.194.242	131.721.599
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.087.065.472</b>	<b>91.781.213.594</b>

### 24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	19.846.632.252	40.694.668.338
Chi phí vận chuyển	19.016.142.169	23.429.480.838
Quảng cáo và khuyến mãi	12.244.143.301	76.123.023.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.971.510.385	48.799.150.933
Khấu hao và hao mòn	1.944.335.843	466.454.562
Khác	10.885.855.249	51.140.178.891
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>74.908.619.199</b>	<b>240.652.957.217</b>

### 25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí lương</b>	<b>33.703.808.377</b>	<b>57.222.060.627</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.045.146.194	15.792.321.151
Khấu hao và hao mòn	5.452.078.687	11.633.804.899
Chi phí đồ dùng văn phòng	969.296.123	2.817.031.643
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(465.827.022)	-
Khác	20.403.946.234	30.403.051.996
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>72.108.448.593</b>	<b>117.868.270.316</b>

### 26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>5.297.894.353</b>	<b>2.680.169.089</b>
Thuế tự vệ được hoàn	2.659.820.264	-
Tiền bồi thường nhận được	1.323.975.152	895.195.473
Khác	1.314.098.937	1.784.973.616
Chi phí khác	(706.674.793)	(343.186.640)
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>4.591.219.560</b>	<b>2.336.982.449</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.234.564.803.897	3.244.743.619.344
Chi phí lương	78.921.850.262	161.380.777.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.417.753.472	102.699.318.060
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8, 9 và 10)	39.931.155.365	60.170.893.179
Chi phí khác	105.262.848.043	170.669.046.892
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.522.098.411.039</b>	<b>3.739.663.655.286</b>

### 28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (2016: 20%).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	14.151.797.797
Điều chỉnh thuế TNDN phát sinh do sáp nhập kinh doanh	347.428.564	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	692.382.389	1.187.313.393
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.039.810.953</b>	<b>15.339.111.190</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>299.871.737.834</b>	<b>361.414.657.153</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	59.974.347.567	72.282.931.431
<i>Điều chỉnh:</i>		
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	(34.502.290.409)	(7.179.596.753)
Lỗ thuế từ các năm trước chuyển sang	(17.750.967.922)	(29.093.189.435)
Thu nhập không chịu thuế	(17.109.951.957)	(24.283.340.995)
Lỗ thuế trong năm	5.243.486.539	-
Chi phí không được khấu trừ	5.128.259.005	1.963.504.812
Điều chỉnh thuế TNDN phát sinh do sáp nhập kinh doanh	347.428.564	-
Khác	(290.500.434)	1.648.802.130
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>1.039.810.953</b>	<b>15.339.111.190</b>

#### 28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### 28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí phải trả	-	-	-	(59.410.229)
Doanh thu chưa thực hiện	516.563.893	-	516.563.893	(833.954.003)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.208.946.282)	-	(1.208.946.282)	(293.949.161)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(692.382.389)</b>	<b>-</b>	<b>(692.382.389)</b>	<b>(1.187.313.393)</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

#### 28.4 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có khoản lỗ thuế lũy kế ước tính là 115.578.537.458 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 178.115.944.373 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

					VND
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Lỗ đã chuyển trong năm	Lỗ không được chuyển	Lỗ chưa chuyển vào ngày 31 tháng 12 năm 2017
2012	2017	21.304.224.882	(21.304.224.882)	-	-
2013	2018	43.329.712.772	(43.329.712.772)	-	-
2015	2020	113.482.006.719	(24.120.901.956)	-	89.361.104.763
2017	2022	26.217.432.695	-	-	26.217.432.695
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>204.333.377.068</b>	<b>(88.754.839.610)</b>	-	<b>115.578.537.458</b>

Lỗ thuế ước tính nêu trên của Tập đoàn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ thuế lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nêu trên do tại thời điểm này, Tập đoàn không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai.

### 29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

					VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	
<b>TAC</b>	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	2.443.583.613.610	828.224.133.705	
		Cổ tức nhận được	14.388.369.600	-	
<b>Nakydaco</b>	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	775.436.619.120	630.432.228.530	
		Mua hàng hóa	1.293.800.000	1.129.961.320	
		Cổ tức được nhận	1.274.636.000	1.274.636.000	

					VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	
<b>Golden Hope</b>	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	106.512.099.920	117.008.826.700	
		Mượn hàng hóa	15.181.941.350	9.922.255.644	
		Cung cấp dịch vụ	3.661.726.248	4.849.095.330	
		Phí dịch vụ gia công dầu	1.541.602.461	795.220.490	
<b>Calofic</b>	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận	45.397.387.665	106.277.877.797	
		Cung cấp dịch vụ	962.104.000	8.426.313.200	
		Mua hàng hóa	891.778.000	3.970.285.000	
		Góp vốn đầu tư	-	62.696.582.675	
<b>LG Vina</b>	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận	24.489.366.520	13.672.191.179	
		Góp vốn đầu tư	7.200.000.000	4.000.000.000	
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("KDC")</b>	Công ty mẹ	Nhận tạm ứng khách hàng mua tài sản	20.000.000.000	-	
		Mua hàng hóa	5.019.294.821	-	
		Bán nguyên vật liệu	850.647.300	147.551.636.075	
		Cung cấp dịch vụ	344.908.340	10.492.286.608	
		Cổ tức đã trả	29.232.000.000	-	

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

					VND
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>					
<b>TAC</b>	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	302.281.075.008	176.527.384.534	
<b>Nakydaco</b>	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	58.000.826.752	46.430.077.408	
<b>Golden Hope</b>	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ	5.361.006.084	52.337.974.051	
<b>KDC</b>	Công ty mẹ	Bán nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ	-	14.425.136.152	
			365.642.907.844	289.720.572.145	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>					
<b>KDC</b>	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	1.900.831.461	3.423.419	
<b>Golden Hope</b>	Công ty liên kết	Phí gia công	272.159.470	51.574.512	
			2.172.990.931	54.997.931	

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

### 29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
<i>Người mua trả trước ngắn hạn</i>				
KDC	Công ty mẹ	Bán tài sản	20.000.000.000	-
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Golden Hope	Công ty liên kết	Mượn công cụ, dụng cụ	1.975.365.000	6.889.878.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

VND		
	Năm nay	Năm trước
Lương và các lợi ích khác	8.467.560.000	7.568.656.000

### 30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	11.971.763.249	11.971.763.249
Từ 1 đến 5 năm	2.914.124.997	2.914.124.997
Trên 5 năm	19.101.921.101	19.398.449.661
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>33.987.809.347</b>	<b>34.284.337.907</b>

### 31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động thực vật. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn bán ra hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

### 32. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

a. *Sáp nhập Công ty TNHH Trích ly Dầu Thực vật ("VOE") và Công ty TNHH Thương mại Dầu Thực vật ("VOT")*

Vào ngày 28 tháng 2 năm 2017, VOE và VOT đã được sáp nhập vào Tổng Công ty theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường Số 01/NQ-HDCD ngày 20 tháng 1 năm 2017. Theo đó, toàn bộ quyền và nghĩa vụ của VOE và VOT được chuyển giao cho Tổng Công ty. Tập đoàn cũng đã ghi giảm giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào VOE và VOT tương ứng với số tiền lần lượt là 26.800.921.000 VND và 16.126.813.000 VND.

b. *Chuyển nhượng khoản đầu tư trong Công ty TNHH Dầu Thực vật Khu vực Miền Bắc Việt Nam ("NORTALIC")*

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2017, Tập đoàn đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu trong NORTALIC cho Công ty Musim Mas Vietnam Oils & Fats Pte Ltd theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐ-VOC/2017 ngày 8 tháng 2 năm 2017. Theo đó, Tập đoàn đã ghi giảm toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào NORTALIC tương ứng với số tiền là 151.200.000.000 VND.

### 33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

**Nguyễn Phương Minh**  
Người lập

**Hồ Minh Sơn**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Xuân Liễu**  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2018



QUÉT ĐỂ XEM  
PHIÊN BẢN TRỰC TUYẾN

**TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP**

📍 : 58 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM  
☎ : (84.28) 3829 4513      ✉ : [vocar@vocarimex.com.vn](mailto:vocar@vocarimex.com.vn)  
☎ : (84.28) 3829 0586      🌐 : [www.vocarimex.com.vn](http://www.vocarimex.com.vn)